

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

## **Nhà Máy**

Km 1877 - Quốc Lộ 1K - Phường Bình An - Thị xã Dĩ An - Tỉnh Bình Dương

ĐT: (84.650) 375 1617 - Fax: (84.650) 375 1628

## **Văn Phòng**

Tầng 14, Tòa Nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP.HCM

Tel: (84.8) 39 11 96 96 - Fax: (84.8) 39 11 92 92



**CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6**

## MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4-5
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	6-8
TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH	9
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	10-21
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	22-23
CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU ĐÃ VÀ ĐANG THI CÔNG	24-26
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2011	27-31
CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN QUAN	32
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33-38
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT	39-43
ĐÓNG GÓP CHIA SẺ CÙNG XÃ HỘI	44
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	45

## Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm 2011 đi qua trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đối diện với nhiều khó khăn và thử thách. Lạm phát cao, lãi suất tăng đột biến, biến động mạnh tỷ giá đồng USD đã ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp trong nước. Không chỉ bị tác động từ các nguyên nhân trên, các doanh nghiệp ngành xây dựng nói chung, đặc biệt ngành xây dựng hạ tầng còn chịu ảnh hưởng lớn từ giá nguyên vật liệu liên tục tăng, và các chính sách thắt chặt tín dụng, kinh tế vĩ mô tiếp tục thắt chặt đầu tư công, các dự án phải qua sàng lọc chỉ triển khai công trình trọng điểm, hạn chế lạm phát và đầu tư bất động sản dẫn đến hầu hết các dự án tạm dừng triển khai, điều này đã tác động mạnh đến kết quả kinh doanh của Beton6.

Với nỗ lực và trách nhiệm của hội đồng quản trị cùng tập thể cán bộ công nhân viên, công ty cổ phần Beton6 đã đạt được doanh số 1.209 tỷ đồng- tăng trưởng 26% so với năm 2010, một mức tăng trưởng đáng kể trong một bối cảnh không mấy sáng sủa của ngành xây dựng hạ tầng. Tuy vậy doanh số này vẫn chưa đáp ứng được sự kỳ vọng của cổ đông (chúng ta chỉ đạt được 86% so với chỉ tiêu đăng ký với cổ đông 1.400 tỉ)

Bước sang năm 2012, HĐQT xác định vẫn còn nhiều khó khăn và thử thách phía trước, lãi suất vẫn giữ ở mức cao, giá nguyên vật liệu chính không có dấu hiệu thuyên giảm, đầu tư công vẫn thắt chặt, áp lực cạnh tranh ngày càng cao giữa các doanh nghiệp cùng ngành, nhiều đối thủ mới nhảy vào thị trường và sự vươn lên mạnh mẽ từ những đối thủ về công nghệ, việc liên doanh liên kết với các công ty quốc tế lớn. Đứng trước những thách thức đó, ngoài việc nâng cao năng lực



quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ, công ty còn triển khai hệ thống quản trị điều hành để nâng cao hiệu quả quản lý, đánh giá rủi ro và kiểm soát chi phí cho từng dự án cũng như tối ưu hóa hệ thống sản xuất để tăng năng lực cạnh tranh.

Bên cạnh đó, việc tìm hiểu và đánh giá dự án một cách cẩn trọng trước khi tham gia đấu thầu là một yếu tố quan trọng để đảm bảo hiệu quả kinh doanh; nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đồng thời phải xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa vững mạnh cho tương lai, sẵn sàng đảm nhận, điều hành và phát triển công ty trở thành nhà thầu chính/ tổng thầu cho các dự án xây dựng hạ tầng, các công trình có quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao như chiến lược đề ra.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự nỗ lực hết mình và nhiệt huyết của HĐQT và tập thể cán bộ công nhân viên, Beton6 sẽ vượt qua những khó khăn và thử thách năm 2012, tiếp tục vững bước trên con đường chinh phục đỉnh cao mới.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã có nhiều ủng hộ HĐQT & Ban điều hành trong chiến lược phát triển Beton 6 những năm vừa qua. Chúng tôi kính mong Quý cổ đông tiếp tục khích lệ và ủng hộ nhiều hơn nữa trong việc triển khai các chiến lược mục tiêu sắp đến để Beton 6 tiếp tục phát triển vững mạnh.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, kính chúc Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Công ty cổ phần Beton 6





## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### THÔNG TIN VỀ CÔNG TY BETON 6

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

- Tên giao dịch: Beton 6 Corporation
- Tên viết tắt: BT6 Corp.
- Mã chứng khoán: BT6

Nhà máy Bình Dương:

- Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, P. Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84.650) 3751617
- Fax: (84.650) 3751628

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Green Tower, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (84.8) 39 11 96 96
- Fax: (84.8) 39 11 92 92
- Email: info@beton6.com
- Website: www.beton6.com

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Xây dựng các công trình giao thông (cầu, cống, đường bộ, bến cảng). Nạo vét, san lấp mặt bằng, đào đắp nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng.
- Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thường, bê tông tươi và bê tông siêu trường, siêu trọng.
- Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu phụ tùng ngành giao thông xây dựng,
- Xây dựng công trình ngầm và thủy lợi...

### QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

#### Năm 1958:

Được thành lập bởi Tập đoàn xây dựng RMK của Mỹ với tên gọi ban đầu là Công trường đúc đà tiền áp Châu Thới, chuyên sản xuất các loại cấu kiện bê tông tiền áp ( Dầm cầu BTCT tiềnáp T12m50, T18m6, T24m70 và Cọc vuông BTCT 35cmx35cm) để xây dựng các cầu trên tuyến Xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa, trên các quốc lộ và liên tỉnh lộ tại Miền Nam Việt Nam.

#### Từ 1975 đến 1992:

Được nhà nước tiếp quản và sát nhập vào Phân cục quản lý đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải với tên gọi Xưởng Bê Tông Châu Thới trực thuộc Phân cục quản lý đường bộ Việt Nam- Cục Quản Lý Đường Bộ. Năm 1977, Bộ Giao thông Vận tải quyết định đổi Xưởng Bê Tông thành nhà máy Bê tông trực thuộc Phân cục quản lý đường bộ Việt Nam - Cục Quản Lý Đường Bộ. Trong thời kỳ này Nhà máy nghiên cứu & sản xuất thành công dầm tiền áp 1.24m54, dầm 1.33m.

#### Năm 1993:

Bộ giao thông vận tải quyết định thành lập công ty Bê tông 620 Châu Thới (trực thuộc Tổng Công Ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6 (CIENCO 6) thuộc Bộ Giáo Thông Vận Tải. Công ty không ngừng phát triển thị trường cũng như sản phẩm mới. Đồng thời, công ty cũng phát triển mảng thi công xây lắp trực tiếp tại các công trình.

#### Năm 2000:

Công ty quyết định chuyển sang hình thức công ty cổ phần với tên Công Ty Cổ Phần Bê Tông 620 Châu Thới theo quyết định số 41/2000/QĐ-TTG ngày 28/03/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Ngày 28-03-2000 Công ty quyết định chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần theo quyết định số 41/2000/QĐ-TTG ngày 28-03-2000 của Thủ Tướng Chính Phủ với tên gọi là Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới.

Ngày 29-11-2000, Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất được tổ chức và sau đó Công ty đã tiến hành đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000013 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 05-01-2001. Từ đây, Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 58.826.900.000 VNĐ. Ngày 28-08-2001, vốn điều lệ Công ty tăng lên 69.300.000.000 đồng.

#### Năm 2002:

Ngày 18-04-2002, cổ phiếu Công ty là một trong những cổ phiếu đầu tiên chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán (niêm yết tại HOSE). Ngày 08-11-2006, vốn điều lệ Công ty tăng lên 100.000.000.000 đồng. Ngày 20-11-2007, vốn điều lệ Công ty tăng lên 109.978.500.000 đồng.

#### Năm 2010:

Công ty thay đổi tên thành Công ty cổ phần Beton 6 & hệ thống nhận diện mới. Sự thay đổi này đánh dấu một cột mốc quan trọng: "Beton 6 nâng cao tầm nhìn chiến lược khi tham gia vào việc dự thầu & quản lý thi công; nâng cao chất lượng hiện tại; đầu tư sản phẩm mới; cung cấp các giải pháp thi công & giải pháp tài chính cho khách hàng sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm thực tế & nắm bắt cơ hội chuyển giao công nghệ".

Ngày 13/4/2011 vốn điều lệ của công ty tăng lên 329.935.500.000 đồng.

## MỨC TĂNG TRƯỞNG VỐN ĐIỀU LỆ QUA CÁC NĂM

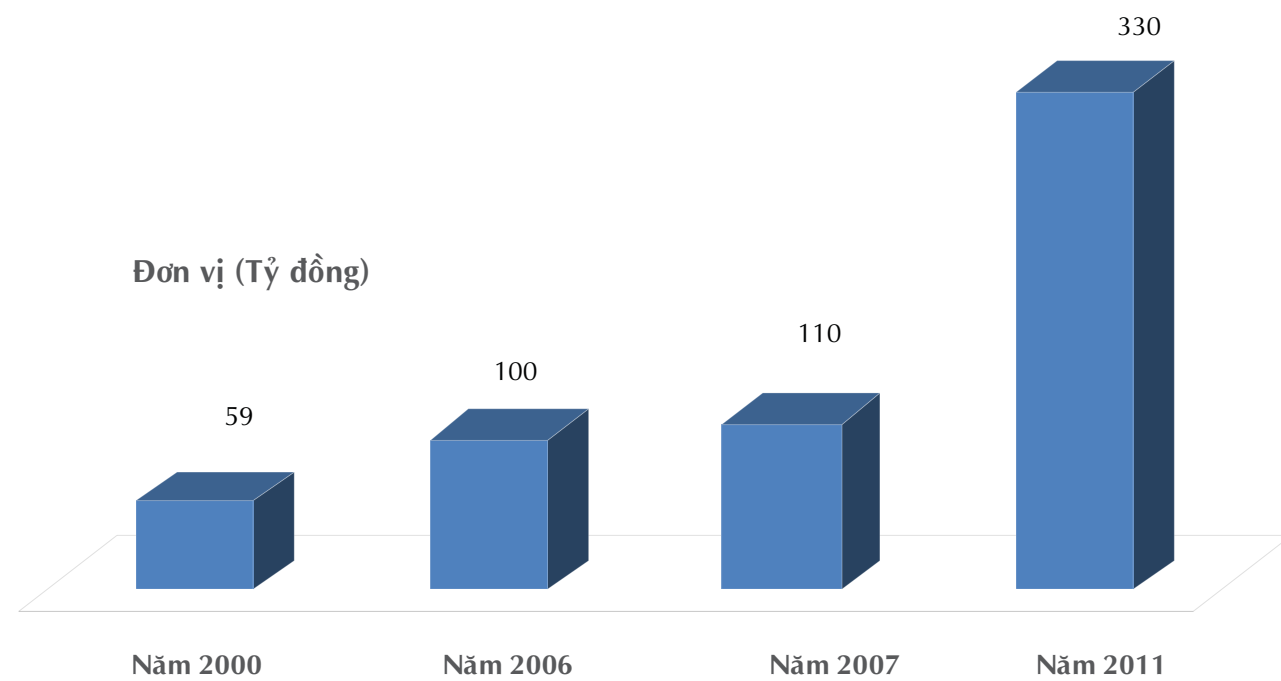
Từ năm 2000 đến 2011 Beton 6 đã có ba lần tăng vốn điều lệ

Việc tăng vốn điều lệ nhằm tăng cường năng lực tài chính, phù hợp với tình hình phát triển của Công ty đảm bảo cho Beton6 đủ điều kiện tham gia thi công đấu thầu và thi công các gói thầu lớn và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Các đợt phát hành tăng vốn của Công ty thông qua hình thức:

- Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu (chào bán cho cổ đông hiện hữu)
- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu
- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VỐN ĐIỀU LỆ



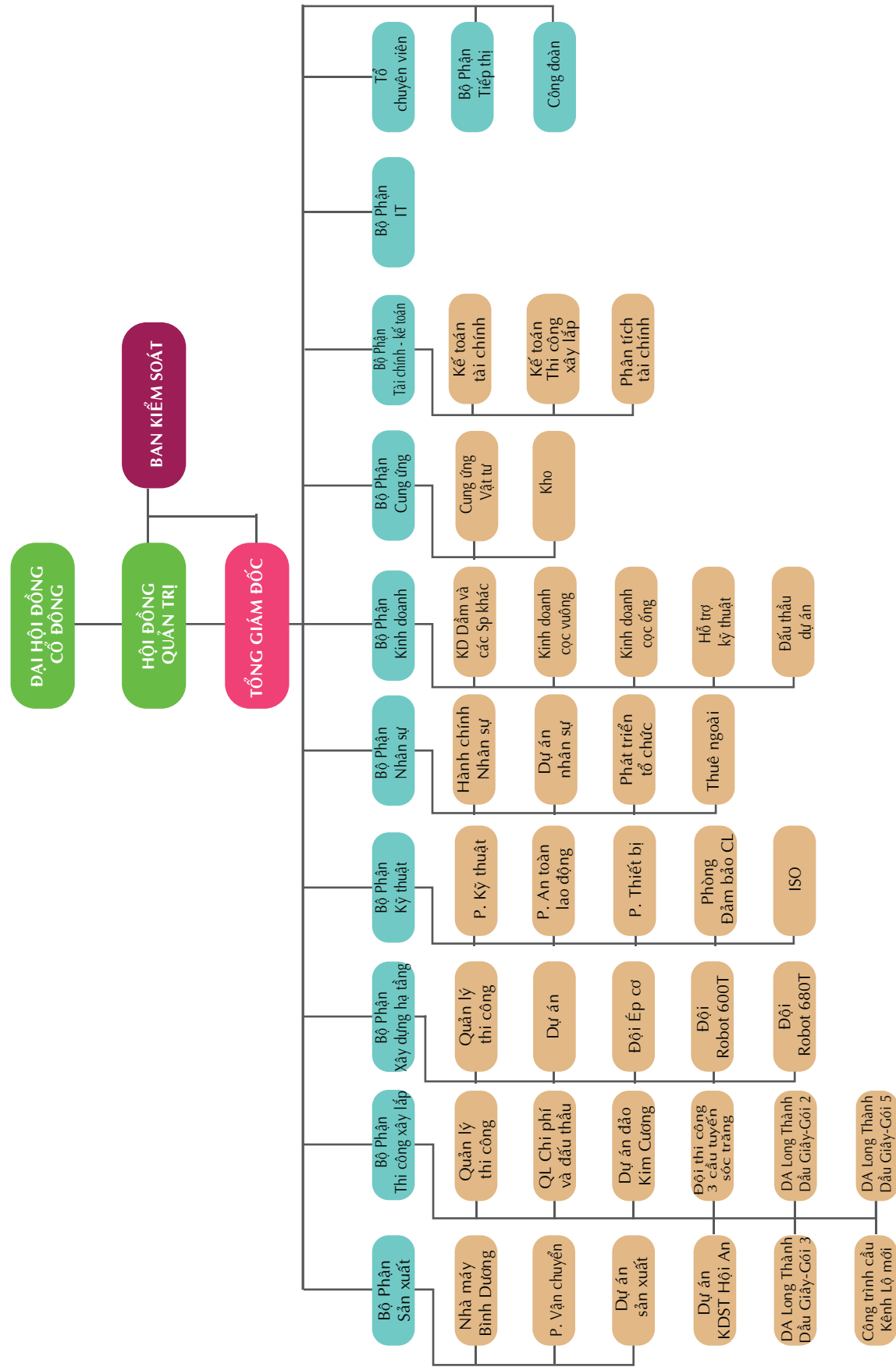
## TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

### 1 - Tâm nhìn

- Beton 6 - công ty sản xuất bê tông và xây dựng hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam

### 2 - Sứ mệnh

- Cung cấp các sản phẩm Bê tông đa dạng với sự cam kết về **quản lý chất lượng** và **dịch vụ**.
- Cung cấp “giải pháp và kỹ thuật thi công”, “giải pháp tài chính” cho nhà đầu tư, nhà thầu và đối tác.
- Thể hiện sự **“uy tín”, “chuyên nghiệp”** và **“trách nhiệm”** trong vai trò nhà đầu tư, cung cấp sản phẩm, quản lý thi công hay là một đối tác kinh doanh trong các dự án xây dựng.



**TỔ CHỨC NHÂN SỰ**

**I - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Ông Nguyễn Hùng**  
Chủ tịch



**Ông Nguyễn Trung Hậu**  
Ủy viên

- Sinh năm: 1957 tại Đà Lạt.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường; Thạc sỹ QTKD, ĐH chính trị.
- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty XDCTGT 6.
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

- Sinh năm: 1958 tại TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - Năm 1982 tốt nghiệp đại học Bách Khoa.
  - Từ năm 1982 đến năm 1994: Công tác tại Công ty Xi măng Hà Tiên.
  - Từ năm 1994 đến tháng 10/2007: Công tác tại Công ty Liên doanh Xi măng Holcim.
  - Từ tháng 10/2007 đến nay: Giám đốc Kỹ thuật TNHH Vật liệu XD Việt Nam.
  - Từ 30/9/2009 đến nay: TGD Cty CP Beton 6; Thành viên HĐQT
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.





**Ông Hà Đức Bình**  
Ủy viên (độc lập không điều hành)

- Sinh năm: 1964 tại TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh, Ngoại thương, Tài chính
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - Từ năm 1985 đến năm 1999: Công tác tại Công ty Xi măng Hà Tiên 1
  - Từ năm 1999 đến tháng 8/2006: PGĐ Tài chính Cty LD Xi măng Holcim
  - Năm 2007: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Đầu tư BTA
  - Năm 2008: TGD Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Việt Nam (VCM)
  - Từ 01/01/2009 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.



**Ông Nguyễn Nam Thắng**  
Ủy viên (độc lập không điều hành)

- Sinh năm 1968 tại Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ô tô
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - 1991- 1992: Công tác tại T-275 Cục ô tô máy kéo trạm nguồn Bộ Quốc phòng
  - 1993- 1995: Kinh doanh xuất nhập khẩu tại CHLB Nga
  - 1995-1998: Giám đốc Công ty TNHH An Dân – Hà Nội
  - 1999-2001: Trưởng VPĐD Công ty XNK Vật tư đường biển tại CH Belarusia
  - 2002-2003: Trưởng VPĐD Tập đoàn MASAN tại Moscow (CHLB Nga)
  - 2003-2005: Phó Tổng Giám đốc Công ty Alexandra & Sophia (CHLB Nga)
  - 2005-2008: Phó Tổng Giám đốc Cty Cổ phần Bất động sản Bình Thiên An
  - 2009 đến nay: TGD Cty TNHH Vật liệu Xây dựng Việt Nam, Ủy viên HĐQT Cty CP VINAFCO
  - Từ ngày 07/4/2010 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.



**Ông Trịnh Thanh Huy**  
Ủy viên (độc lập không điều hành)

- Sinh năm 1970 tại Thanh Hoá.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - Từ năm 1994 đến năm 2002: công tác tại tập đoàn Masan – Phó chủ tịch tại CH LB Nga
  - Từ năm 2003 đến tháng 2005: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty Thực phẩm AS
  - Từ 2005 đến nay: Chủ tịch kiêm TGD Công ty Cổ phần Bất động sản Bình Thiên An
  - Từ ngày 01/10/2009 đến nay: Thành viên HĐQT Cty Cổ phần Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

#### B - Trách nhiệm, quyền lợi của Hội đồng Quản trị Công ty:

- Trách nhiệm và quyền lợi của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và quy định tại điều 20, chương VII Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị tham gia điều hành, chịu trách nhiệm trước cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo cổ tức năm 2011 do đại hội đồng cổ đông giao; Tham gia quản lý điều hành và lên kế hoạch nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác đã đề ra của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị được hưởng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

#### C - Tỷ lệ sở hữu và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần:

STT	Họ và tên	SỐ LƯỢNG (CP)				Tỷ lệ (%)	Ghi chú
		Cá nhân	Đại diện vốn NN	Đại diện tổ chức	Tổng cộng		
1	Nguyễn Hùng	32.349	1.956.903		1.989.252	6,03%	
2	Nguyễn Trung Hậu	3.900			3.900	0,01%	
3	Hà Đức Bình	3.900			3.900	0,01%	
4	Trịnh Thanh Huy	4.599.588			4.599.588	13,94%	



## II - BAN KIỂM SOÁT



**Ông Đào Minh Triết**  
Trưởng ban

- Sinh năm 1976 tại Cần Thơ.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính
- Quá trình công tác:
  - Từ tháng 5/1999 - tháng 6/2000: Đại diện TM - VP Đại diện Tp. HCM - tập đoàn Marubeni (Bộ phận may mặc).
  - Từ tháng 7/2000 - tháng 7/2003: Trưởng nhóm - VP ĐD Tp. HCM - tập đoàn Mitsubishi (Bộ phận may mặc).
  - Từ tháng 01/2007 - tháng 02/2010: GD dự án - Bộ phận DV Ngân hàng Đầu tư - Cty CP Chứng khoán Sài gòn.
  - Từ tháng 3/2010 đến nay: Trưởng Ban Tài chính đầu tư - Bộ phận R&D - Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Việt Nam (VCM)
  - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Beton 6 kể từ ngày 16/4/2010.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không



**Ông Trần Thanh Dũng**  
Ủy viên

- Sinh năm 1961 tại An Giang.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính, Cử nhân Luật.
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1984-1991: Kế toán tổng hợp Nhà máy Cơ khí Giao thông 623
  - Từ năm 1991-2004: Kế toán trưởng Cty Cơ khí Xây dựng Công trình 623
  - Từ năm 2004-2008: Phụ trách BKS Tổng Cty XD Công trình Giao thông 6.
  - Từ năm 2008 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Tổng Cty XD Công trình Giao thông 6.
  - Chức vụ tại các tổ chức khác: UV. HĐQT Cty CP Tranimexco, Cty CP Đầu tư & Phát triển Hạ tầng. Trưởng BKS Cty Tư vấn XD Công trình 625.
  - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Beton 6 kể từ ngày 16/4/2010.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không



**Ông Nguyễn Văn Đua**  
Ủy viên

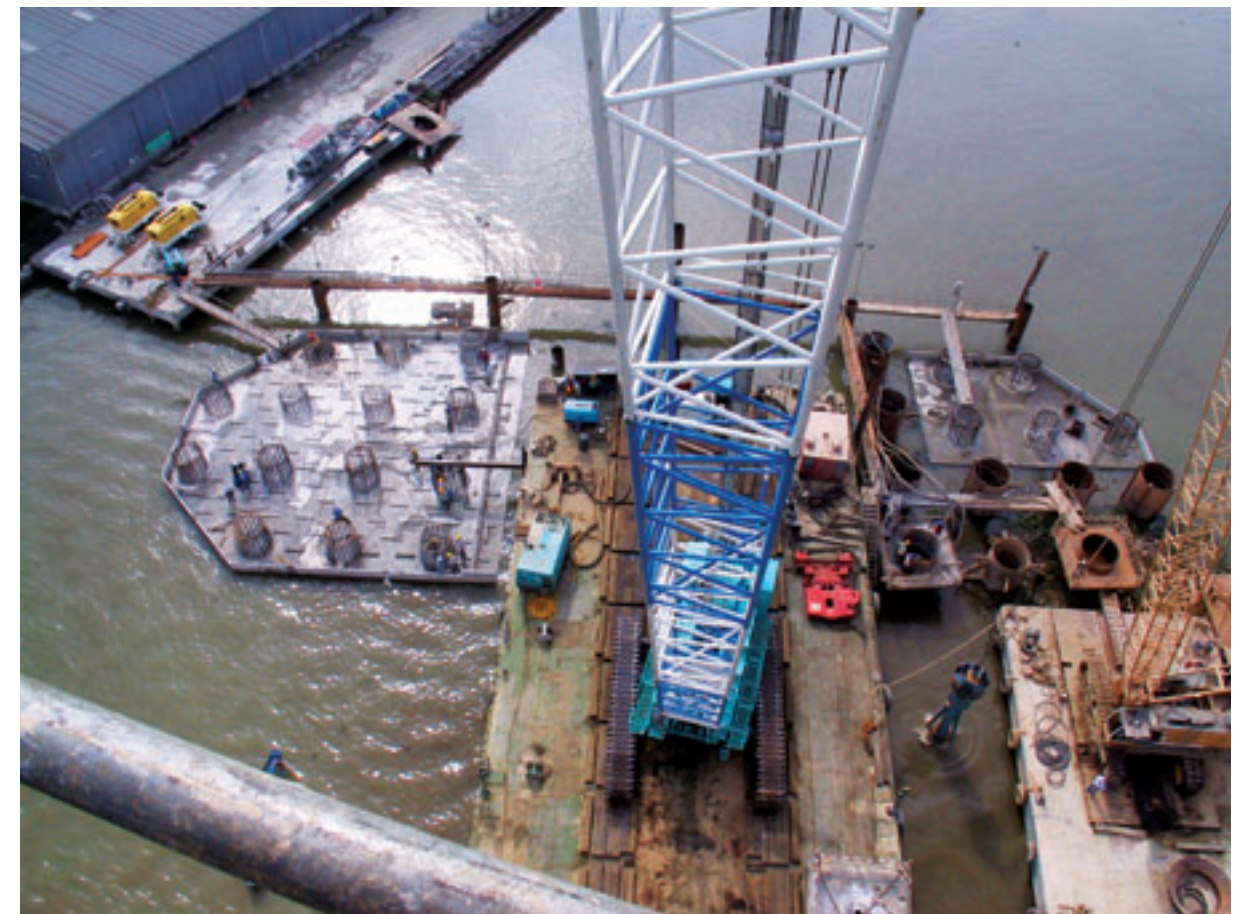
- Sinh năm 1978 tại Kiên Giang
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1998 -1999: Kế toán tổng hợp Cty CP CN Kỹ nghệ Thương mại Việt Tiến.
  - Từ năm 1999 -2003: Kế toán trưởng Cty CP Công nghiệp Kỹ nghệ Thương mại Việt Tiến.
  - Từ năm 2003 -2004: Kế toán trưởng Cty Liên doanh Chế biến Thực phẩm VITECFood.
  - Từ năm 2004 -2006: Kế toán trưởng Công ty Cp Bán kẹo Biên Hòa (BIBICA).
  - Từ năm 2006 -nay: Kế toán trưởng Công ty CP Bất Động sản Bình Thiên An.
  - Từ năm 2007 -2009: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Thảo Điền.
  - Từ năm 2009 - nay: Kế toán trưởng Công ty BTA Development Investment (Vietnam)
  - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Beton 6 kể từ ngày 16/4/2010.

## B - Trách nhiệm và quyền lợi của Ban Kiểm soát Công ty:

- Trách nhiệm và quyền lợi của Ban kiểm soát được quy định tại điều 31, chương X Điều lệ công ty.
- Ban Kiểm soát được quyền xem xét, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo tính chính xác và trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm bảo vệ quyền lợi của cổ đông.
- Ban kiểm soát đã có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty năm 2011, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

## C - Tỷ lệ sở hữu và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần: Không có.





### III - BAN ĐIỀU HÀNH



**Ông Nguyễn Trung Hậu**  
TGD – Ủy viên HĐQT

(Xem phần lý lịch tóm tắt của HĐQT)



**Ông Trần Khắc Lợi**  
Phó Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 1962
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường; Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách khối sản phẩm mới Cty CP Beton 6; Giám đốc Công ty Cổ phần BOT Cầu Phú Cường.
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.



**Ông Phạm Đình Nhật Kỳ**  
Phó Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 1955
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường; Quản trị kinh doanh
- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách khối sản phẩm công nghiệp.
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.



**Ông Hà Thanh Mẫn**  
Phó Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 1964
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cơ khí.
- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách khối xây lắp,
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.



**Ông Trương Chí Nhân**  
Phó Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 1961 tại Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư.
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - Năm 1984: tốt nghiệp ĐHBK Tp.HCM.
  - Từ năm 1984-1997: công tác tại trường cao đẳng nghề Lý Tự Trọng - Tp. HCM
  - Từ năm 1997-2007: công tác tại Cty TNHH sản xuất Và Xây dựng Phan Vũ (Giám đốc Cty).
  - Từ 2007-2010: công tác tại Cty cổ phần Đầu tư Phan Vũ (phó TGD)
  - Từ tháng 8/2010 đến nay: công tác tại Cty CP beton 6 (phó TGD)
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Cty: không



**Bà Cao Thị Anh Hoa**  
Giám đốc Nhân sự

- Sinh năm: 1966 tại Saigon
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - Năm 1993: tốt nghiệp đại học Tổng hợp Tp HCM
  - Năm 2009: tốt nghiệp thạc sỹ – Viện công nghệ châu Á Thái lan
  - Từ 8/1996 đến 2/2010: Giám đốc Nhân sự tại công ty Xi-măng Holcim Việt Nam
  - Từ 3/2010 đến nay: Giám đốc Nhân sự tại Cty CP Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không



**Ông Võ Thanh Trí**  
Giám đốc Tài chính

- Sinh năm: 1973 tại Sài Gòn.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Tài chính
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

- Quá trình công tác:
  - Từ 1997-1999: công tác tại Cty LD hoá chất LG Vina.
  - Từ 1999-2000: công tác tại Cty TNHH Kimberly Clark.
  - Từ 2000-2004: công tác tại Cty TNHH Dược Phẩm Á Đông.
  - Từ 2004-2006: công tác tại Cty TNHH Thành Nhơn.
  - Từ 2006-2008: công tác tại Cty cổ phần Châu Âu P2P.
  - Từ 2009-2010: công tác tại Bệnh viện Việt Pháp.
  - Từ 2010 đến nay: công tác tại Công ty cổ phần Beton 6.



**Ông Lâm Chí Trung**  
Giám đốc Kinh doanh

- Sinh năm: 1975 tại Sài Gòn
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - Năm 1997: tốt nghiệp đại học Bách Khoa TP HCM
  - Từ năm 1998 đến năm 2005: Trưởng Bộ Phận Kế Hoạch Chuỗi Cung Ứng Công ty LD Xi măng Holcim
  - Từ năm 2005 đến tháng 2007: Trưởng Bộ Phận Khách Hàng Công ty Shell Việt Nam TNHH
  - Từ năm 2007 đến năm 2008: Trưởng Bộ Phận Chuỗi Cung Ứng Công ty TNHH VLXD Saint Gobain Việt Nam
  - Từ 2/2010 đến nay: Giám đốc Kinh Doanh Cty CP Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không



**Ông Lê Quang Hạnh**  
Giám đốc Kỹ thuật

- Sinh năm: 1978 tại Thanh Hà - Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kỹ thuật
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - Năm 2000 – Tốt nghiệp đại học Giao thông Vận tải
  - Từ năm 2000 đến năm 2003: Công tác tại Tổng cty XD Thăng Long
  - Từ năm 2003 đến năm 2005: Giảng viên trường đại học Giao thông Vận tải
  - Từ năm 2005 đến năm 2009: Nghiên cứu sinh tại trường kỹ thuật tổng hợp Darmstadt – CHLB Đức
  - Từ năm 2010 đến năm 2011: Công tác tại công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh Bình Dương – Becamex ITC
  - Từ năm 2011 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không



**Ông Trần Hoàng Dũng**  
Giám đốc Nhà máy Bình Dương

- Sinh năm: 1969 tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
  - Năm 1994: tốt nghiệp đại học Sư phạm kỹ thuật TPHCM ngành cơ khí chế tạo máy
  - Từ năm 12/1994 đến năm 08/1996: công tác tại Nhà máy công nghệ kỹ thuật cao AMBBLIN - Singapore
  - Từ năm 08/1996 đến tháng 10/2010: công tác tại Công ty Xi măng Holcim
  - Từ tháng 11/2010 đến nay: Giám đốc nhà máy Bình Dương - Cty CP Beton 6
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

**B - Trách nhiệm, quyền lợi của Ban điều hành:**

- Theo quy định của pháp luật và quy định tại điều 26 chương VIII Điều lệ Công ty. Hoạt động theo quy định của điều lệ, các quy chế của cty, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

**C - Tỷ lệ sở hữu và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần:**

STT	Họ và tên	SỐ LƯỢNG (CP)			Tỷ lệ (%)	Ghi chú
		Cá nhân	Đại diện vốn NN	Tổng cộng		
1	Nguyễn Trung Hậu	3.900	0	3.900	0,01%	
2	Trần Khắc Lợi	21.168	0	21.168	0,06%	
3	Hà Thanh Mẫn	19.290	0	19.290	0,06%	

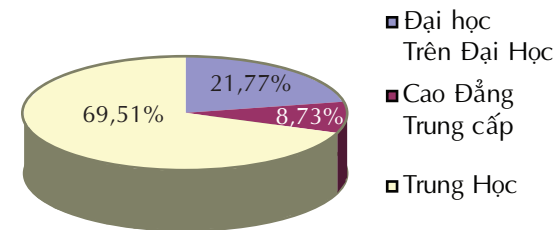


## IV - TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NHÂN SỰ 2011

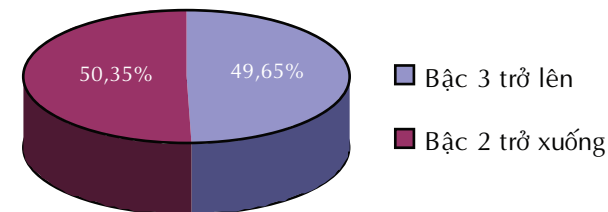
### 1. Lao động:

Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2011: 997 người  
Trong đó:

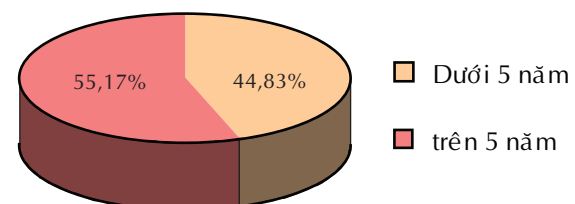
Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Đại học, trên đại học	217	21,77
Cao đẳng-Trung cấp	87	8,73
Trung học	693	69,51
Tổng cộng	997	100



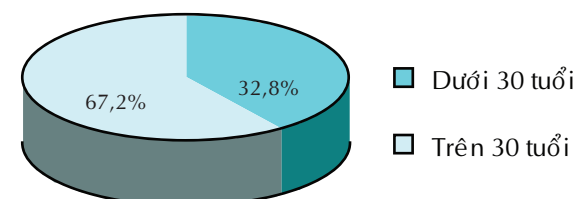
Bậc thợ	Số lượng	Tỷ lệ %
Bậc 3 trở lên	355	49,65
Bậc 2 trở xuống	361	50,35
Tổng cộng	715	100



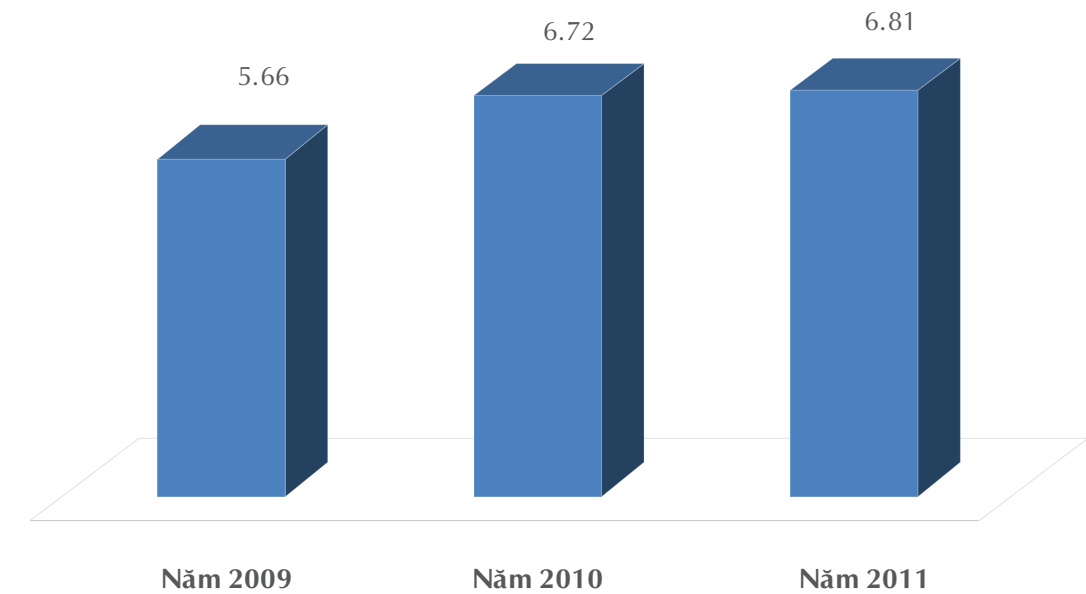
Thâm niên công tác	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 5 năm	447	44,83
Trên 5 năm	550	55,17
Tổng cộng	997	100



Độ tuổi	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 30	327	32,80
Trên 30	670	67,20
Tổng cộng	997	100



### 2. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng):



### 3. Các chính sách nhân sự 2011

- Xây dựng lợi thế cạnh tranh trên thị trường lao động cấp trung và cao
- Hoạch định và phát triển lực lượng kế thừa của các vị trí được xác định
- Cải thiện và tổ chức quản lý các khu vực làm việc và tiện nghi cho nhân viên
- Xây dựng và phát triển tiêu chuẩn năng lực chuyên môn
- Giải pháp nguồn lao động
- **Các việc làm cụ thể :**
  - Xây dựng lại Thỏa Ước LĐTT với điều kiện làm việc, chính sách đãi ngộ tốt hơn Thỏa ước cũ
  - Xây dựng hoàn chỉnh, nội quy lao động
  - Các chế độ BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện tốt hơn quy định của pháp luật
  - Mua bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên
  - Thay đổi nhà thầu cải thiện chất lượng canteen, tăng tiền ăn giữa ca
  - Sửa chữa hoàn chỉnh khu vực làm việc văn phòng, các nhà vệ sinh công cộng.
  - Tăng cường hệ thống thông tin nội bộ : Hệ thống mạng intranet, báo tập san nội bộ
  - Xây dựng kế hoạch đào tạo và thực hiện đào tạo
  - Thuê ngoài (outsourcing) các chức danh công việc đơn giản





## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### 1 - Cơ cấu cổ đông đến ngày đăng ký cuối cùng 21/3/2012

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Cộng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
<b>1. Cổ đông nhà nước</b>	1.956.903	5,93%	0	0,00%	1.956.903	5,93%
<b>2. Cổ đông nội bộ</b>	8.045.028	24,38%	0	0,00%	8.045.028	24,38%
Hội đồng quản trị	8.004.570	24,26%	0	0,00%	8.004.570	24,26%
Ban Giám đốc	40.458	0,12%	0	0,00%	40.458	0,12%
Ban Kiểm soát	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
<b>3. Cổ đông khác</b>	19.896.008	60,30%	3.095.611	9,38%	22.991.619	69,69%
Cá nhân	10.803.269	32,74%	447.538	1,36%	11.250.807	34,10%
Tổ chức	9.092.739	27,56%	2.648.073	8,03%	11.740.812	35,59%
<b>Cộng</b>	<b>29.897.939</b>	<b>90,62%</b>	<b>3.095.611</b>	<b>9,38%</b>	<b>32.993.550</b>	<b>100,00%</b>

Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

+ Tổng số cổ phiếu phát hành: 32,993,550 cp  
 + Tổng số cổ phiếu niêm yết: 32,993,550 cp  
 + Cổ phần phổ thông: 32,993,550 cp

Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ: Không.

- Cổ tức: Trong năm 2011 thực hiện chia cổ tức cho năm 2010 với tỉ lệ 10%.

### 2 - Các dữ liệu thống kê về cổ đông: 1.014 cổ đông đại diện cho 32.993.550 cổ phần

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần
	838	15.483.464
Cá nhân nước ngoài	143	447.538
Tổ chức trong nước	26	14.414.475
Trong đó Nhà nước:		1.956.903
Tổ chức nước ngoài.	7	2.648.073

### 3 - Tình hình giao dịch của cổ đông lớn: (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)

STT	CỔ ĐÔNG	ĐHĐCĐ 2011 (ngày chốt: 25/3/2011)		ĐHĐCĐ 2012 (ngày chốt: 21/3/2012)	
		Vốn ĐL: 109.978.500.000 VNĐ		Vốn ĐL: 329.935.500.000 VNĐ	
		Số cp nắm giữ	Tỉ lệ	Số cp nắm giữ	Tỉ lệ
1	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB	1.823.880	16,58%	0	0,00%
2	Trịnh Thanh Huy	1.533.196	13,94%	4.599.588	13,94%
3	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Việt	1.121.611	10,20%	3.364.833	10,20%
4	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng và Xi măng HB	810.000	7,37%	2.430.000	7,37%
5	Cienco 6	652.301	5,93%	1.956.903	5,93%
6	AMFRASER SECURITIES PTE. LTD.	860.465	7,82%	2.581.395	7,82%
7	Đàm Tuấn Anh	0	0,00%	5.471.640	16,58%
8	Cty TNHH Một Thành viên Đầu tư Xuyên Việt	2.220.796	20,19%	6.662.388	20,19%



**CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU ĐÃ VÀ ĐANG THI CÔNG**

**Dự Án Cầu Mỹ Thuận**

Cung cấp 60.000m<sup>3</sup> bê tông tươi cho công trình. Sản xuất và vận chuyển 16.000m cọc BTCT 40x40cm cho việc thi công trụ và móng cầu. Sản xuất, vận chuyển và lắp đặt 220 dầm bê tông tiền áp Super Tee. Thi công 20 trụ và xà mũ, 2 móng cầu và bản tiếp cận, đóng cừ ván và thi công dầm mũ. Thi công mặt sàn cầu chính, sàn cầu dẫn, dầm phân cách, lề bộ hành và thi công hoàn thiện mặt



**Dự Án Cầu Cần Thơ**

Thi công mặt sàn cầu chính, dầm phân cách, lề bộ hành và hoàn thiện mặt cầu. Cung cấp 350 dầm Super T & 95,000m<sup>3</sup> bê tông tươi cho toàn bộ công trình



**Dự Án Đường Cao Tốc Sài Gòn Trung Lương**

Sản xuất, vận chuyển & lao phóng cấp 2254 dầm Super cho toàn bộ công trình.



**Dự Án Cầu Phú Mỹ**

Thi công mặt sàn cầu chính, dầm phân cách, lề bộ hành và hoàn thiện mặt cầu. Cung cấp 350 dầm Super T & 95,000m<sup>3</sup> bê tông tươi cho toàn bộ công trình



**Dự Án Thi Công Xây Lắp: Đảo Kim Cương – Q2**

Cung cấp 300.000m<sup>3</sup> bê tông tươi, Thi công đường ven sông, Thi công hệ thống bờ kè đảo, Thi công cầu nối liền với đất liền.





### Dự Án Nhà Máy Xi Măng Quảng Phúc

San lấp mặt bằng, thi công toàn bộ nền móng, cảng & trạm nghiền xuất xi măng xuống tàu.



### Dự Án Đường Cao Tốc HCM-long Thành-Dầu Giây

Gói 2: Xây dựng Cầu Long Thành

Gói 3: Xây dựng 7 cầu trên trọn tuyến

### Hội An Resort

San lấp mặt bằng, thi công nền móng, thi công đường, kênh nhân tạo, nhà để xe, đặc biệt là thi công các nhà villa bằng phương án nhà bê tông lắp ghép



### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2011

#### 1 - Nhận định chung:

- Năm 2011 trải qua những biến động bất lợi trong nền kinh tế vĩ mô – lạm phát hơn 18%, tiền đồng mất giá, nguồn vốn tháo chạy khỏi thị trường ... làm xói mòn lòng tin của nhà đầu tư. Các dự án xây mới giảm đáng kể. Một số dự án trong giai đoạn triển khai phải tạm dừng.
- Thị trường bất động sản, đặc biệt dự án chung cư cao tầng, gần như đóng băng.
- Để đối phó với tình hình lạm phát, Nghị quyết 11 của Chính Phủ đã cắt giảm, hoãn tiến độ phần lớn các dự án cơ sở hạ tầng làm ảnh hưởng đến nhu cầu các sản phẩm của công ty.
- Các chính sách tiền tệ được đưa ra làm giảm tính thanh khoản của toàn thị trường, ảnh hưởng đến tình hình thanh toán của các tổ chức, công ty. Nợ phải trả tăng cao và có tính chất dây chuyền
- Lãi suất trên dưới 20% cộng với tăng các khoản phải thu làm tăng gánh nặng chi phí tài chính của công ty.
- Thị trường bị thu hẹp làm cho việc cạnh tranh về giá ngày càng khốc liệt.



## 2 - Đặc điểm tình hình của Beton 6:

- Uy tín, năng lực thi công của công ty cải thiện đáng kể qua việc tham gia các công trình có yêu cầu về chất lượng cao như: Cao Tốc Long Thành Dầu Giây, Nhà Máy pin mặt trời First Solar Việt Nam, Nhà Máy Kính Chuyên Biệt VGI Việt Nam ...
- Công ty Beton 6 chuyển hướng đến nhóm công trình công nghiệp và có vốn FDI (tỉ trọng trên 50% sản lượng) để đảm bảo việc thanh toán.
- Chuyển hướng từ việc cung cấp sản phẩm bê tông đơn thuần sang giải pháp thi công trọn gói (ví dụ cung cấp và thi công móng cọc)
- Tập trung hệ thống quản lý an toàn trong thi công xây dựng để bảo đảm an toàn cho con người và tài sản đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh đối với các công trình đòi hỏi an toàn nghiêm ngặt.
- Công tác tái cơ cấu nhân sự lãnh đạo, điều hành và tái cấu trúc một số đơn vị trong Công ty tiếp tục thực hiện mang lại hiệu quả cao.
- Hoạt động sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, xây lắp tiếp tục đạt được tăng trưởng theo kế hoạch.

## 3 - Thách thức và khó khăn:

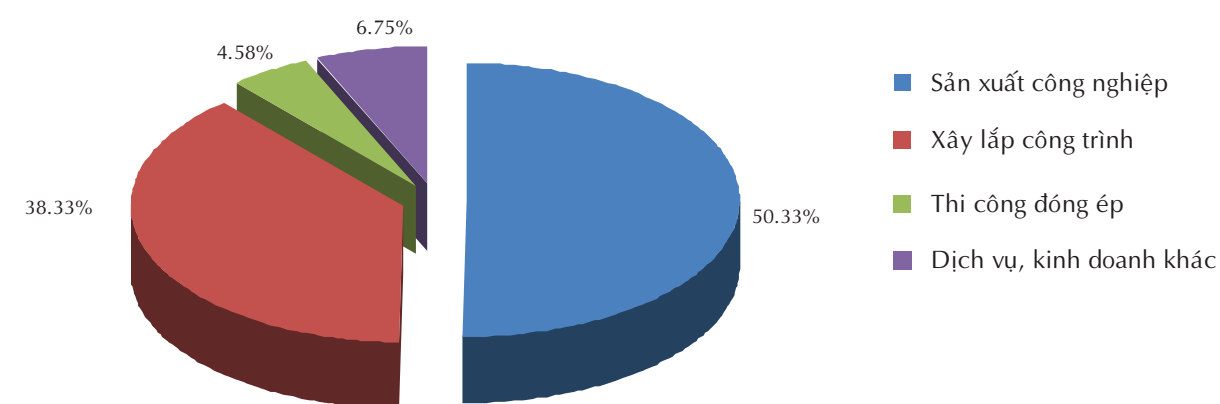
- Ảnh hưởng chung của nền kinh tế có tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty: Giá cả vật tư biến động, các dự án xây lắp giải ngân chậm, lãi suất ngân hàng tăng cao, công nợ thu hồi chậm.
- Các sản phẩm truyền thống như dầm, cọc vuông, cọc ống do thị trường thu hẹp nên cạnh tranh về giá trở nên gay gắt.
- Các sản phẩm mới như cọc ván cũng đã xuất hiện sự cạnh tranh của những đơn vị khác.
- Vị trí nhà máy sản xuất ở xa thị trường tiêu thụ sản phẩm và không thuận tiện cho việc vận chuyển sản phẩm bằng đường thủy.
- Chi phí tài chính tăng rất cao.
- Việc phá sản của công ty Pumyang, tổng thầu thi công gói 5 dự án Long Thành – Dầu Giây ảnh hưởng đến thời gian thu hồi giá trị đã cung cấp và thi công (khoảng 18 tỷ đồng)

## 4 - Kết quả hoạt động 2011:

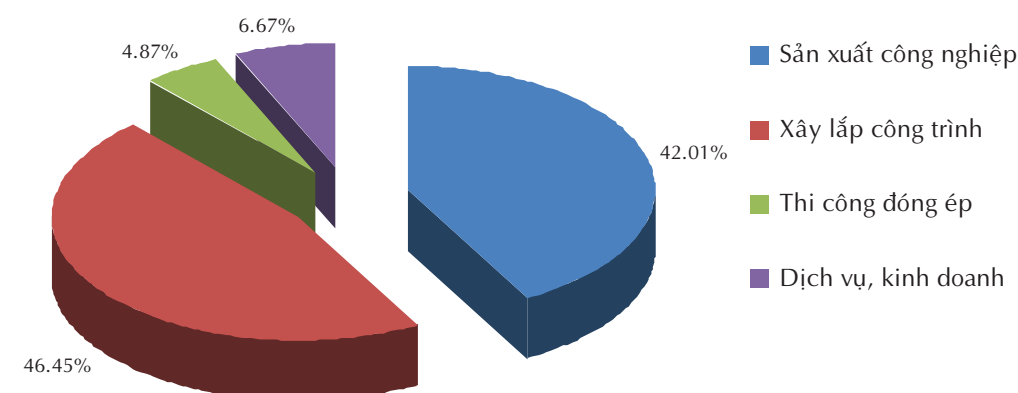
- Năm 2011, trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn và biến động như đã nêu ở phần trên, với mục tiêu vì quyền lợi cổ đông, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho CBCNV, với nhiệm vụ giữ gìn và phát triển thương hiệu, Hội đồng Quản trị cùng Ban điều hành đã nỗ lực vượt qua khó khăn và đạt kết quả sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện	Thực hiện	So sánh	Kế hoạch
	Năm 2010	Năm 2011	năm 2010	Năm 2011
Giá trị tổng sản lượng	1.016	1.200	118%	
Doanh thu thuần	960,9	1.209	126%	1.400
Lợi nhuận trước thuế	116,7	63,4	54%	10-12% doanh thu
Lợi nhuận sau thuế	92,3	47,7	52%	-

## 5 - Cơ cấu trong giá trị tổng sản lượng



## 6 - Cơ cấu trong doanh thu



- Tỷ trọng mảng xây lắp (kể cả phần đóng ép cọc) tăng cao trong cơ cấu doanh thu là do một số công trình thuộc các gói thi công dự án Cao tốc Long Thành – Dầu Giây đi vào giai đoạn thi công khẩn trương, các dự án đóng ép cọc lớn. Việc triển khai và hoàn tất các dự án lớn này một cách tốt đẹp đã cho thấy năng lực thi công các công trình hạ tầng giao thông của Công ty đã thuyết phục và tạo được uy tín đối với các chủ đầu tư và các nhà thầu lớn trong nước cũng như quốc tế.
- Hoạt động sản xuất công nghiệp vẫn giữ ở mức tương đương trong năm 2010 do nhu cầu tổng thị trường suy giảm và cạnh tranh về giá rất gay gắt. Một số công trình mặc dù đã ký hợp đồng nhưng tạm ngưng do nguồn vốn thi công bị cắt hoặc tạm hoãn.

## 7 - Đầu tư phát triển sản xuất: 180.056.494.729.000 đồng

Trong đó:

- Đầu tư nhà xưởng: 23.550.023.041 đồng
- Đầu tư máy móc, thiết bị: 12.999.684.898 đồng
- Đầu tư phương tiện vận tải: 6.913.718.182 đồng
- Đầu tư dụng cụ quản lý: 5.547.918.608 đồng
- Thuê đất 46,5 năm: 129.045.150.000 đồng

## 8 - Các chỉ số tài chính của công ty năm 2011

Khả năng sinh lời:	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
+ Tỷ suất Lợi nhuận ròng trên Doanh thu	10,54%	9,61%	3,95%
+ Tỷ suất Lãi gộp trên Doanh thu	18,22%	15,54%	18,56%
+ Tỷ số Lợi nhuận ròng trên Tài sản (ROA)	11,82%	8,40%	2,90%
+ Tỷ số Lợi nhuận ròng trên VCSH (ROE)	20,72%	20,67%	10,65%
Khả năng thanh toán:			
+ Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,61	1,16	1,04
+ Khả năng thanh toán nhanh	1,27	0,96	0,7
<b>Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011:</b>	<b>13.592</b>	<b>đồng/cổ phần</b>	

## 9 - Báo cáo phát hành cổ phiếu cho nhân viên & tờ trình kế hoạch phát hành:

- Như kế hoạch được ĐHCĐ 2011 thông qua thì việc phát hành này sẽ được triển khai trong thời gian từ 3-5 năm, bắt đầu từ năm 2011.
- Hội đồng quản trị hiện vẫn đang xem xét xây dựng phương án và sẽ xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua chi tiết nội dung này trước khi thực hiện.

## 10 - Báo cáo tình hình thực hiện các công việc liên quan đến phát hành trái phiếu:

- Hội đồng quản trị báo cáo đại hội đồng cổ đông việc thực hiện phát hành trái phiếu trong năm 2011 như sau:
- Mục đích huy động vốn: đầu tư mở rộng năng lực sản xuất của Beton 6 theo nghị quyết đại hội cổ đông 2011.

Dự án nhà máy Beton 6 Long Hậu:

- Tổng mức đầu tư: dự kiến 342 tỷ đồng
- Công suất thiết kế: 100.000 m<sup>3</sup> bê tông đúc sẵn.
- Mục đích đầu tư: Nhà máy dự kiến sản xuất các chủng loại sản phẩm chính như: đầm bê tông tiền áp, cọc bê tông tiền áp, cọc bê tông cốt thép, cọc ván bê tông cốt thép dự ứng lực, cọc ống bê tông cốt thép dự ứng lực, v.v. đáp ứng nhu cầu của thị trường phía Nam, đặc biệt là Đồng bằng sông Cửu Long.
- Các định chế tài chính, nhà đầu tư lớn đã quan tâm và nghiên cứu trái phiếu:
  - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
  - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (HBBS)
  - Công ty Chứng khoán Phương Hoàng
  - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Incombank)
  - Công ty Tài chính Quốc tế (IFC)
  - Và một số nhà đầu tư lớn khác.
- Kết quả việc phát hành trái phiếu:
  - Tổng mệnh giá phát hành: 250 tỷ VND
  - Thời hạn trái phiếu: 4 năm. Đáo hạn tháng 6 năm 2015.
  - Lãi suất: 20% cho kỳ đầu tiên ( 3 tháng)
  - Lãi suất các kỳ trả lãi tiếp theo: lãi suất huy động trung bình tham chiếu 4 ngân hàng quốc doanh lớn + 6%.

- Phí phát hành trái phiếu: 2% tổng mệnh giá phát hành
- Đơn vị mua trái phiếu: Ngân hàng cổ phần Kỹ thương Việt Nam ( Techcombank)

- Kết quả việc thu hồi trái phiếu:

- Thời điểm thu hồi trái phiếu: 9/2011
- Tổng giá trị trái phiếu thu hồi: 250 tỷ VND
- Lý do: Cân nhắc lại việc đầu tư với chi phí vốn cao và thị trường beton đúc sẵn chưa có dấu hiệu khởi sắc, HĐQT quyết định giãn tiến độ triển khai dự án và sử dụng nguồn vốn tự có để đầu tư, chờ lãi suất phù hợp hơn.





**CÁC CÔNG TY CON & CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

**1 - Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty BeTon 6: KHÔNG CÓ.**

**2 - Các công ty con**

Tên Công ty	Tỉ lệ phần sở hữu
Cty CP Bê tông Ly tâm 620	99,85%
Cty CP Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi	84,93%
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	82,44%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tân Uyên Fico	57,57%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bình Châu	60,00%

**3- Các công ty liên kết**

Tên Công ty	Tỉ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Bê tông 620 Bình Minh	20,83%
Công ty Cổ phần Bê tông 620 Long An	38,10%
Công ty Cổ phần Xây dựng 620 Bến Tre	45,00%
Công ty TNHH Bê tông 620 Đồng Tâm	24,75%
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	20,01%
Công ty TNHH Thi công Cơ giới Châu Thới	30,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Hậu Giang	39,94%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 620 ĐắkLak	49,93%
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Sao Phương Nam	39,94%



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**1 - Nguyên tắc hoạt động của HĐQT**

- Thành viên, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT do Luật pháp, Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông quy định.

**2 - Tóm tắt hoạt động của HĐQT**

**a - Tình hình nhân sự:**

- Nhân sự HĐQT không có sự thay đổi, vẫn cố định 05 thành viên bao gồm:
  1. Ông Nguyễn Hùng
  2. Ông Nguyễn Trung Hậu
  3. Ông Hà Đức Bình
  4. Ông Trịnh Thanh Huy
  5. Ông Nguyễn Nam Thắng
 Ông Nguyễn Hùng xin từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT. HĐQT nhất trí đề cử Ông Nguyễn Trung Hậu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT. Nội dung này sẽ được báo cáo và thông qua tại Đại hội cổ đông năm 2012 này.

**b - Các hoạt động chính trong năm 2011 bao gồm:**

- Thực hiện việc chia thưởng bằng cổ phiếu theo tỉ lệ 1: 2.
- Lập TỔ DỰ ÁN cho dự án đầu tư xây dựng đường trên cao số 1 – Tp.HCM. Thông qua kế hoạch đấu thầu cho gói thầu “Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng” với giá trị 11,990,000,000.00 VNĐ.
- Thực hiện kế hoạch phát hành 250 tỷ đồng trái phiếu thông qua Techcombank.
- Đầu tư mua 6.357.899 cổ phần của Tổng Công ty cổ phần Miền Trung với mức giá 10.600 đồng / cổ



phần, tương đương tổng số tiền là 67.393.729.400 đồng trong thời hạn dưới 01 năm.

Nhận chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần (Một triệu) của Ông Nguyễn Hùng Hưng tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển 620 Quảng Ngãi với tổng giá trị chuyển nhượng là 7.700.000.000 đồng (Bảy tỷ, bảy trăm triệu đồng chẵn), để nâng số lượng cổ phần sở hữu lên 1.600.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ sở hữu 40%) tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển 620 Quảng Ngãi.

Đời văn phòng đại diện tại Tầng 14, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1, Tp.HCM sang địa chỉ mới tại Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp.HCM.

Thanh toán cổ tức năm 2010 với tổng số tiền 32.993.550.000 đồng (10% vốn điều lệ), thanh toán bằng tiền mặt làm 02 đợt mỗi đợt 50% (bằng 5% vốn điều lệ).

Góp 85% vốn điều lệ thành lập Công ty cổ phần Beton 6 - Miền Trung (VĐL 20 tỷ đồng).

Góp 51% vốn điều lệ (tương đương 10,2 tỷ đồng) thành lập Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông Beton 6 (Vốn điều lệ 20 tỷ đồng).

## 2 - Các nội dung họp của HĐQT

Trong quý 1/2011 Hội đồng quản trị có tổ chức 07 cuộc họp với các nội dung tóm gọn như sau:

STT	Biên bản / Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	93/BBH-HĐQT-BT6	18/01/2011	- Điều chỉnh hạch toán tăng giá trị Quyền khai thác mỏ đá và giảm lợi thế thương mại tại Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico. - Không điều chỉnh tăng giá trị của tài sản thuần tại ngày mua theo Báo cáo thẩm định giá vì giá trị tăng thêm của tài sản sau khi định giá là không trọng yếu so với tổng tài sản của công ty cổ phần BETON 6 tại thời điểm định giá.
2	94/BBH-HĐQT-BT6	28/01/2011	- Từ chối góp vốn tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Bê Tông 620 Đồng Tâm (từ 20 tỷ đồng hiện nay tăng lên thành 30 tỷ đồng). Và - Đồng ý giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Bê Tông 620 Đồng Tâm từ mức 24.75% như hiện nay xuống còn 15% (4.5 tỷ đồng trên VĐL mới 30 tỷ đồng).
3	94A/BBH-HĐQT-BT6	11/02/2011	- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện việc chia thưởng bằng cổ phiếu theo tỉ lệ 1: 2 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được thưởng 2 cổ phiếu) là ngày 28/2/2011.
4	95/BBH-HĐQT-BT6	18/02/2011	- Đồng ý vay luân chuyển với số tiền 95.000.000.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ đồng) tại Chi nhánh Gia Định - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
5	96/BBH-HĐQT-BT6	28/02/2011	- Đồng ý xin cấp hạn mức bảo lãnh 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Gia Định.
6	97/BBH-HĐQT-BT6	10/03/2011	- Đồng ý lập TỔ DỰ ÁN cho dự án đầu tư xây dựng đường trên cao số 1 - Tp.HCM. - Đồng ý thông qua kế hoạch đấu thầu cho gói thầu "Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng" với giá trị 11.990.000.000,00 VNĐ (Mười một tỷ, chín trăm tám mươi triệu làm tròn).
7	98/BBH-HĐQT-BT6		- Nhất trí góp vốn thành lập Công ty cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình với số tiền 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng chẵn), tương đương 3.000.000 (Ba triệu) cổ phần, chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ.

Trong quý 2/2011 Hội đồng quản trị có tổ chức 16 cuộc họp với các nội dung tóm gọn như sau:

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	99/BBH-HĐQT-BT6	06/04/2011	- Nhất trí vay vốn trung hạn tại Ngân hàng Liên doanh SHINHANVINA với số tiền 4.000.000.000 VND.
2	100/BBH-HĐQT-BT6	06/04/2011	- Nhất trí vay vốn trung hạn tại Ngân hàng Liên doanh SHINHANVINA với số tiền 76.000.000.000 VND.
3	101/BBH-HĐQT-BT6	18/04/2011	- Nhất trí thông qua các nội dung chính và kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2011.
4	102/BBH-HĐQT-BT6	20/04/2011	- Thống nhất thông qua việc bảo lãnh và tín dụng tại Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam - CN.HCM với tổng giá trị không vượt quá số tiền 450.000.000.000 đồng.
5	103/BBH-ĐHĐCĐ-BT6	28/04/2011	Đại hội đồng cổ đông năm 2011 nhất trí thông qua: - Kết quả kinh doanh năm 2010 - Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát - Báo cáo chi phí 2010 & Ngân sách 2011 của HĐQT & BKS - Phân phối lợi nhuận năm 2010 - Kế hoạch kinh doanh năm 2011 - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu thưởng và tờ trình đăng ký lưu ký & niêm yết bổ sung - Báo cáo phát hành trái phiếu trong năm 2010 & đề xuất tiếp tục thực hiện kế hoạch này trong năm 2011 - Điều chỉnh / bổ sung nội dung Điều lệ Công ty - Báo cáo phát hành cổ phiếu cho CBCNV và đề xuất tiếp tục thực hiện chủ trương này. - Chọn đơn vị kiểm toán Kết quả bầu cử HĐQT - BKS (Nhiệm kỳ 2011-2016)
6	104/BBH-HĐQT-BT6	25/04/2011	- Góp vốn thành lập Công ty cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp Quảng Bình (vốn điều lệ 250.000.000.000 VND), với số tiền 37.500.000.000 đồng, tương đương 15% vốn điều lệ.
7	105/BBH-HĐQT-BT6	28/04/2011	- Đồng ý đề nghị Eximbank (SGD 1) cấp hạn mức tín dụng và bảo lãnh số tiền 180.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương.
8	106/BBH-HĐQT-BT6	09/05/2011	- Đồng ý đề nghị Eximbank (SGD 1) cho vay trung hạn số tiền 7.700.000.000 VND.
9	107/BBH-HĐQT-BT6	17/05/2011	- Nhất trí bầu Ông Nguyễn Hùng vào vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Beton 6 nhiệm kỳ 2011-2016.
10	108/BBH-HĐQT-BT6	25/05/2011	- Nhất trí vay vốn tại NHTMCPCTVN (CN 1 HCM) với giới hạn tín dụng ngắn hạn 400.000.000.000 VND và giới hạn tín dụng trung hạn 45.000.000.000 VND.
11	108A/BBH-HĐQT-BT6	06/06/2011	- Đồng ý ký kết hợp đồng mua vật tư (Thép SD390, thép tấm, thép hình các loại) với Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư HB, với số lượng tạm tính 13.150 tấn, với đơn giá tạm tính 15.600.000 VND/tấn.
12	109/BBH-HĐQT-BT6	16/06/2011	Thông qua giải tỏa hạn chế chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phiếu BT6 mà Cty TNHH MTV Quản Lý Quỹ ACB đang sở hữu (do Ông Kiều Hữu Dũng được cử làm đại diện).

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
13	110/BBH-HĐQT-BT6	09/06/2011	- Đồng ý thực hiện kế hoạch phát hành 250 tỷ đồng trái phiếu thông qua Techcombank.
14	111/BBH-HĐQT-BT6	14/06/2011	- Đồng ý mua 6.750.000 cổ phần (bằng chữ: Sáu triệu, bảy trăm năm mươi ngàn cổ phần) của Tổng Công ty Miền Trung TNHH MTV, tương đương 15% vốn điều lệ.
15	111A/BBH-HĐQT-BT6	28/06/2011	- Đồng ý đầu tư mua 6.357.899 cổ phần của Tổng Công ty cổ phần Miền Trung với mức giá 10.600 đồng / cổ phần, tương đương tổng số tiền là 67.393.729.400 đồng trong thời hạn dưới 01 năm. - Ủy quyền cho Ông Nguyễn Trung Hậu (Tổng Giám đốc BT6) làm người đại diện cho toàn bộ cổ phần của BT6 tại Tổng Công ty cổ phần Miền Trung.
16	112/BBH-HĐQT-BT6	29/06/2011	- Nhận chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần (Một triệu) của Ông Nguyễn Hùng Hưng tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển 620 Quảng Ngãi với tổng giá trị chuyển nhượng là 7.700.000.000 đồng (Bảy tỷ, bảy trăm triệu đồng chẵn), để nâng số lượng cổ phần sở hữu lên 1.600.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ sở hữu 40%) tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển 620 Quảng Ngãi. - Cử Ông Nguyễn Trung Hậu làm người đại diện cho toàn bộ số lượng 1.600.000 cổ phần nói trên tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển 620 Quảng Ngãi.

**Trong quý 3/2011 Hội đồng quản trị có tổ chức 08 cuộc họp với với các nội dung tóm gọn như sau:**

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	113/BBH-HĐQT-BT6	17/07/2011	- Đồng ý dời văn phòng đại diện tại Tầng 14, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1, Tp.HCM sang địa chỉ mới tại Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp.HCM.
2	113A/BBH-HĐQT-BT6	19/07/2011	- Đồng ý cho Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu vay số tiền 3.900.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng.
3	114/BBH-HĐQT-BT6	28/07/2011	- Đồng ý giải toả toàn bộ cổ phiếu BT6 thuộc diện hạn chế chuyển nhượng của cá nhân và tổ chức dưới đây: 1. Ông Hà Đức Bình 2. Ông Nguyễn Trung Hậu 3. Ông Trịnh Thanh Huy 4. Cty TNHH Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Việt
4	115/BBH-HĐQT-BT6	06/08/2011	- Đồng ý cho Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu vay số tiền 1.881.792.000 đồng trong thời hạn 12 tháng.
5	116/BBH-HĐQT-BT6	08/08/2011	- Nhất trí thông qua việc đề nghị hạn mức bảo lãnh và tín dụng ngắn hạn 2011-2012 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Nam Sài Gòn với Hạn mức tín dụng ngắn hạn (vay nợ) 200.000.000.000 đồng và Hạn mức bảo lãnh ngắn hạn 200.000.000.000 đồng trong thời hạn từ 08/2011 đến 08/2012.

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
6	117/BBH-HĐQT-BT6	05/09/2011	- Thống nhất thanh toán cổ tức năm 2010 với tổng số tiền 32.993.550.000 đồng (10% vốn điều lệ), thanh toán bằng tiền mặt làm 02 đợt mỗi đợt 50% (bằng 5% vốn điều lệ).
7	118/BBH-HĐQT-BT6	16/09/2011	- Đồng ý cho Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu vay số tiền 5.050.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng.
8	119/BBH-HĐQT-BT6	20/09/2011	- Đồng ý cho Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu vay số tiền 11.200.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng.

**Trong quý 4/2011 Hội đồng quản trị có tổ chức 08 cuộc họp với với các nội dung tóm gọn như sau:**

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	120/BBH-HĐQT-BT6	19/10/2011	- Đồng ý cho Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu vay số tiền 10.000.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng.
2	121/BBH-HĐQT-BT6	25/10/2011	- Đồng ý mua 40.000 cổ phần của Ông Ngô Hải Thanh với đơn giá 10.000 đ/cp tương đương 400.000.000 đồng và góp 2.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đ/cp tương đương 20.000.000.000 đồng. Tổng số vốn góp của Công ty cổ phần Beton 6 tại Công ty cổ phần Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh PER8 là 2.040.000 cổ phần tương đương 20.400.000.000 đồng, đạt tỷ lệ sở hữu 51% tại PER8. - Ủy quyền cho Ông Nguyễn Trung Hậu (Tổng Giám đốc BT6) làm người đại diện cho toàn bộ số lượng cổ phần mà BT6 sở hữu tại PER8. - Ủy quyền cho Ông Nguyễn Trung Hậu đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành của PER8.
3	122/BBH-HĐQT-BT6	03/10/2011	- Nhất trí tăng hạn mức vay luân chuyển tại Chi nhánh Gia Định - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam từ mức 95.000.000.000 đồng (tại Biên bản họp HĐQT số 95/BBH-HĐQT-BT6 ngày 18/02/2011) lên mức 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).
4	123/BBH-HĐQT-BT6	29/11/2011	- Tham gia góp 85% vốn điều lệ thành lập Công ty cổ phần Beton 6 - Miền Trung (VĐL 20 tỷ đồng). - Ủy quyền cho Ông Nguyễn Trung Hậu (Tổng Giám đốc BT6) làm người đại diện cho toàn bộ vốn góp của BT6 tại Công ty cổ phần Beton 6 - Miền Trung. - Ủy quyền cho Ông Nguyễn Trung Hậu đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành của Công ty cổ phần Beton 6 - Miền Trung.
5	124/BBH-HĐQT-BT6	03/10/2011	- Đề nghị Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định - cấp hạn mức bảo lãnh với số tiền là 100.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn).
6	125/BBH-HĐQT-BT6	30/11/2011	- Đồng ý cho Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu vay số tiền 5.000.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng.



STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
7	126/BBH-HĐQT-BT6	01/12/2011	- CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6 được phép giao dịch với Ngân Hàng TNHH Indovina, trụ sở chính tại 46-48-50 Phạm Hồng Thái, Phường Bến Thành, Q.1, TP. HCM, để vay một Hạn mức tín dụng với số tiền là 12.000.000 USD.
8	127/BBH-HĐQT-BT6	29/12/2011	- Tham gia góp 51% vốn điều lệ (tương đương 10,2 tỷ đồng) thành lập Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông Beton 6 (Vốn điều lệ 20 tỷ đồng). - Đồng ý cho Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông Beton 6 sử dụng hồ sơ năng lực của Beton 6 (Năng lực tài chính, thiết bị, công nghệ, kinh nghiệm, v.v.). - Ủy quyền cho Ông Nguyễn Trung Hậu (Tổng Giám đốc BT6) làm người đại diện cho toàn bộ vốn góp của BT6 tại Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông Beton 6. - Ủy quyền cho Ông Nguyễn Trung Hậu để cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành của Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông Beton 6.



### BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên tài khóa 2011 tổ chức ngày 20/04/2012, tại Hội trường Công ty Cổ phần Beton6 những nội dung như sau:

#### 1 - Kết quả thẩm định và đánh giá của BKS về Báo cáo tài chính năm 2010:

- Căn cứ số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Beton6 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán A&C, BKS ghi nhận số liệu báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- Kết thúc năm tài chính 2011, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Beton6 như sau:
  - Năm 2011, doanh thu của Công ty đạt 1,208 tỷ đồng.
  - Lợi nhuận trước thuế năm 2011 đạt 63 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 47,7 tỷ đồng
  - Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong ba năm gần nhất:

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011
<b>I</b>	<b>Khả năng thanh khoản</b>			
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	1.61	1.16	1.04
2	Khả năng thanh toán nhanh	1.27	0.96	0.73
<b>II</b>	<b>Năng lực hoạt động</b>			
1	Vòng quay hàng tồn kho	7.87	6.54	4.11
2	Thời gian tồn kho bình quân	45.74	55.82	88.74
3	Vòng quay khoản phải thu	3.06	2.90	2.41
4	Vòng quay khoản phải trả	2.24	8.32	6.61
5	Vòng quay TSCĐ	9.23	12.96	8.34
6	Vòng quay tổng tài sản	1.12	1.09	0.88
<b>III</b>	<b>Cơ cấu tài chính</b>			
7	Tỷ số nợ	40,93%	59,37%	72,79%
8	Hệ số nợ/VCSH	69,29%	146,00%	267,49%
9	Hệ số Nợ/VDL	248,58%	593,73%	363,58%

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011
<b>IV</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>			
1	Tỷ suất Lợi nhuận ròng trên DT	10,54%	9,61%	3,95%
2	Tỷ suất Lãi gộp trên Doanh thu	18,22%	15,54%	18,56%
3	Tỷ số Lợi nhuận ròng trên Tài sản (ROA)	11,82%	8,40%	2,90%
4	Tỷ số Lợi nhuận ròng trên VCSH (ROE)	20,72%	20,67%	10,65%
<b>V</b>	<b>Hiệu quả kinh doanh</b>			
1	Tỷ số GVHB trên Doanh thu thuần	81,78%	84,46%	81,44%
2	Tỷ số CPBH trên Doanh thu thuần	0,12%	0,17%	0,36%
3	Tỷ số CPQL trên Doanh thu thuần	5,10%	5,28%	5,23%
4	Thu nhập trên mỗi cổ phần	7.178	8.397	1.447
5	Giá trị sổ sách một cổ phần	35.874	40.626	13.592

- Nhìn chung, các chỉ số đều có xu hướng giảm so với các năm trước. Tồn kho trong năm tăng mạnh cùng với việc tăng các khoản đầu tư tài chính được tài trợ chủ yếu từ tiền vay làm ảnh hưởng đến các chỉ số về thanh khoản và ảnh hưởng tiêu cực đến cơ cấu tài chính.
- Ngoài ra, do lợi nhuận sau thuế giảm 48% nên các chỉ số về khả năng sinh lời đều giảm so với các năm trước. Các chỉ số về hiệu quả kinh doanh vẫn tương đương các năm trước do Công ty quản lý tốt sản xuất cũng như các hoạt động hỗ trợ như quản lý và bán hàng. Tuy nhiên, thu nhập trên mỗi cổ phần và giá trị sổ sách mỗi cổ phần giảm mạnh với lý do lợi nhuận giảm và số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên gấp 3 lần các năm trước (cổ phiếu thưởng).

## 2 - Kết quả thẩm định và đánh giá của BKS về tình hình hoạt động của Công ty:

### A - Hoạt động kinh doanh:

- Năm 2011 Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận so với kế hoạch được ĐHCĐ năm 2010 đề ra, cụ thể như sau:

Doanh thu	Thực hiện (TH)	Kế hoạch (KH)	TH/KH
Doanh thu hoạt động xây dựng	620.402.621.360	650.000.000.000	95%
Doanh thu sản phẩm bê tông	507.819.799.771	700.000.000.000	73%
Doanh thu khác	80.614.673.886	50.000.000.000	161%
Tổng doanh thu	1.208.837.095.017	1.400.000.000.000	86%
Lợi nhuận trước thuế	63.363.569.036	140.000.000.000	45%

- So với kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông năm 2010 phê duyệt, Công ty chỉ đạt vượt mức kế hoạch 61% cho khoản doanh thu dịch vụ. Doanh thu cho hoạt động xây lắp chỉ đạt 95% kế hoạch; doanh thu bán sản phẩm bê tông chỉ đạt 73%.
- So với năm 2010, doanh thu năm 2011 tăng 26% nhưng lợi nhuận sau thuế giảm 48%. Chi tiết như sau:

Doanh thu	2011	2010	Tăng/Giảm
Doanh thu hoạt động xây dựng	620.402.621.360	351.940.779.042	76%
Doanh thu sản phẩm bê tông	507.819.799.771	542.111.933.817	6%
Doanh thu khác	80.614.673.886	66.868.403.788	21%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.208.837.095.017</b>	<b>960.921.116.647</b>	<b>26%</b>

Giá vốn	2011	2010	Tăng/Giảm
Giá vốn của hoạt động xây dựng	492.028.253.988	283.420.599.670	74%
Giá vốn của sản phẩm bê tông	422.562.864.240	462.083.299.783	-9%
Giá vốn khác	70.435.161.812	66.223.976.485	6%
<b>Tổng giá vốn</b>	<b>985.026.280.040</b>	<b>811.727.875.938</b>	<b>21%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>47.753.305.880</b>	<b>92.348.390.005</b>	<b>-48%</b>

- Nỗ lực của Công ty trong việc đẩy mạnh doanh thu so với năm trước rất đáng ghi nhận trong tình hình kinh tế khó khăn chung và trong bối cảnh toàn ngành xây dựng tăng trưởng âm của năm 2011. Tuy nhiên, việc bị chiếm dụng vốn kéo dài dẫn đến thanh khoản kém, làm tăng chi phí hoạt động, cụ thể là lãi vay làm ảnh hưởng đến lợi nhuận cả năm.

### B - Hoạt động đầu tư:

- Tình hình đầu tư tài sản cố định:

Khoản mục	Kế hoạch	Mua trong năm	XDCB hoàn thành	Th/Kh
Nhà cửa, vật kiến trúc	40.000.000.000	737.803.877	3.609.398.031	11%
Máy Móc Thiết Bị	40.000.000.000	12.999.684.898	-	32%
Thiết bị vận tải	-	6.913.718.182	-	-
Dụng cụ quản lý	20.000.000.000	230.243.836	-	1%
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>20.881.450.793</b>	<b>3.609.398.031</b>	<b>24%</b>

- Việc đầu tư cho tài sản cố định chỉ đạt 24%, chưa theo kế hoạch đề ra.
- Tuy nhiên, do nhu cầu thị trường xây dựng chưa hồi phục nên Công ty tránh đầu tư dàn trải làm đọng vốn mà chỉ tập trung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm nên việc thực hiện 24% kế hoạch đầu tư cho tài sản cố định xét theo yếu tố thời điểm là hợp lý.

- Tình hình thực hiện dự án:

Dự án	Kế hoạch	Thực hiện	Th/Kh
Nhà máy Tân Uyên	535.000.000.000	-	0%
Nhà máy Long Hậu(**)	342.000.000.000	149.000.000.000	44%

(\*\*) Trong 149 tỷ, quyền sử dụng đất tại KCN Long Hậu là 129 tỷ; chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 20 tỷ.

- Tương tự công tác đầu tư cho tài sản cố định, do Công ty chỉ tập trung vốn cho hoạt động kinh doanh trong năm nên chỉ thực hiện 44% kế hoạch cho dự án nhà máy tại KCN Long Hậu (chủ yếu là tiền mua quyền sử dụng đất); dự án Tân Uyên chưa thực hiện do nhu cầu thị trường còn quá thấp so với dự tính ban đầu.

- Tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết trong năm:

- Trong năm, Công ty chỉ thực hiện việc mua thêm 1 triệu cp của Công ty CP Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi, trị giá 7,7 tỷ đồng, làm tăng tỷ lệ góp vốn lên thành 40% vốn điều lệ Cty 620 Quảng Ngãi.

	2011	2010	Tăng/Giảm
Đầu tư vào công ty con	144.988.177.686	137.288.177.686	6%

- Khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết không thay đổi so với năm 2010, với tổng giá trị vốn góp là 63 tỷ đồng.



- Tình hình trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư:

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm	Tăng/giảm	%
Công ty con	2.138.004.399	1.084.687.381	1.053.317.018	97%
Công ty liên doanh, liên kết	11.855.735.625	7.079.723.978	4.776.011.647	67%
Đầu tư dài hạn khác	31.877.082.423	27.187.509.923	4.689.572.500	17%
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.870.822.447</b>	<b>35.351.921.282</b>	<b>10.518.901.165</b>	<b>30%</b>

- Việc trích lập dự phòng này là phù hợp với luật kế toán hiện hành và cần thiết trong hoàn cảnh nền kinh tế còn trầm lắng và thị trường xây dựng còn đang trong tình trạng đóng băng như hiện nay.
- Cần lưu ý đây là khoản chi phí không bằng tiền nên dòng tiền của Công ty không bị ảnh hưởng và khoản dự phòng này sẽ được hoàn nhập lại khi thị trường khởi sắc và các công ty con, công ty liên kết hoạt động có lãi trở lại.

#### 1. Tình hình nhân sự:

- Trong năm 2011, số lượng nhân viên chính thức của Công ty tăng từ 846 người lên 1.017 người. Theo đó, quỹ khen thưởng trích lập trong năm tăng 3,2 tỷ; chỉ trong năm 2,1 tỷ cho người lao động. Quỹ khen thưởng cho Ban quản lý, điều hành trích lập 2,7 tỷ, đã chi 0,7 tỷ trong năm.

#### 2. Tình hình cổ phiếu:

- Số lượng cổ phiếu lưu hành hiện tại là 32,9 triệu cổ phiếu. Do lợi nhuận giảm và số cổ phiếu lưu hành tăng (do chia tách) nên EPS năm 2011 chỉ đạt 1.447 đồng/cp, giảm 48.3% (sau khi điều chỉnh pha loãng) so với năm 2010, 8.397 đồng/cp.
- Trong năm 2011, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức 2 lần vào tháng 10 và tháng 11 bằng tiền mặt với tổng tỷ lệ 10% cho cổ đông.

#### 3. Kiến nghị của Ban Kiểm soát:

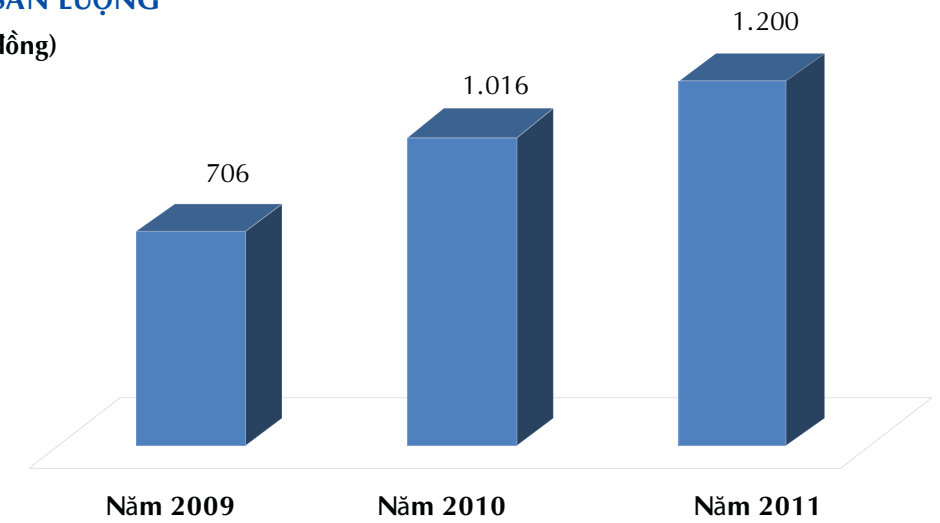
- Việc Công ty Cổ phần Bê tông 6 chưa đạt được kế hoạch do Đại hội đồng Cổ đông năm 2010 đề ra xét trong tình hình kinh tế có quá nhiều khó khăn của năm 2011 và trong bối cảnh các công ty cùng ngành đang gặp rất nhiều khó khăn thua lỗ là điều có thể hiểu được. Mặt khác, khi so sánh với năm 2010, Công ty đã đạt được mức doanh thu vượt 26% là điều đáng khích lệ trong bối cảnh chung của nền kinh tế.
- Ban Kiểm soát xét thấy có những điểm cần lưu ý Ban Điều hành Công ty như sau:
  - Về hoạt động sản xuất kinh doanh: cần tập trung quản lý hiệu quả tồn kho, tăng cường hoạt động thu nợ nhằm tăng thanh khoản, tránh gây đọng vốn lưu động dẫn đến tăng chi phí sử dụng vốn làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.
  - Về hoạt động đầu tư, góp vốn: cần xem xét lại các khoản đầu tư tài chính không mang lại lợi nhuận cũng như lợi ích trong hoạt động sản xuất kinh doanh để ra quyết định thoái vốn một phần hoặc thanh lý toàn bộ, tập trung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty và hoàn nhập được dự phòng. Ngoài ra, cần xem xét cẩn trọng các khoản đầu tư trong bối cảnh kinh tế nhiều khó khăn hơn trong năm 2012, để giảm vay ngân hàng cũng như giảm gánh nặng chi phí lãi vay cho Công ty; đồng thời giúp cải thiện các chỉ số tài chính.
  - Tình hình thực hiện hai dự án Tân Uyên và Long Hậu là chậm so với kế hoạch đề ra. Nếu xét với tình hình tiêu thụ sản phẩm bê tông rất chậm trong năm 2011 thì điều này là hợp lý. Tuy nhiên Công ty cần rà soát và cho thực hiện các khoản mục đầu tư có chi phí thấp hơn trong lúc nền kinh tế còn ảm đạm nhằm tận dụng cơ hội giảm vốn đầu tư và góp phần đẩy nhanh việc hoàn thành dự án, chuẩn bị cho thời điểm kinh tế khởi sắc.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
(đã ký)  
**ĐÀO MINH TRIẾT**

## BIỂU ĐỒ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 03 NĂM

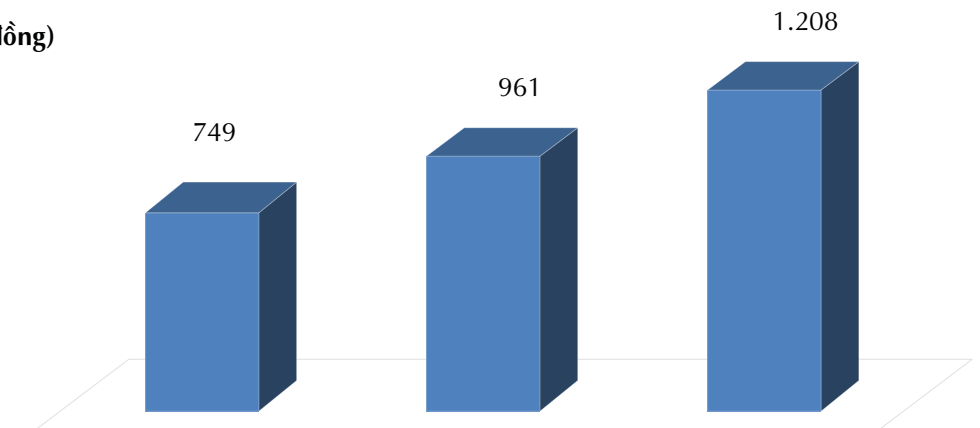
### GIÁ TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG

Đơn vị (tỷ đồng)



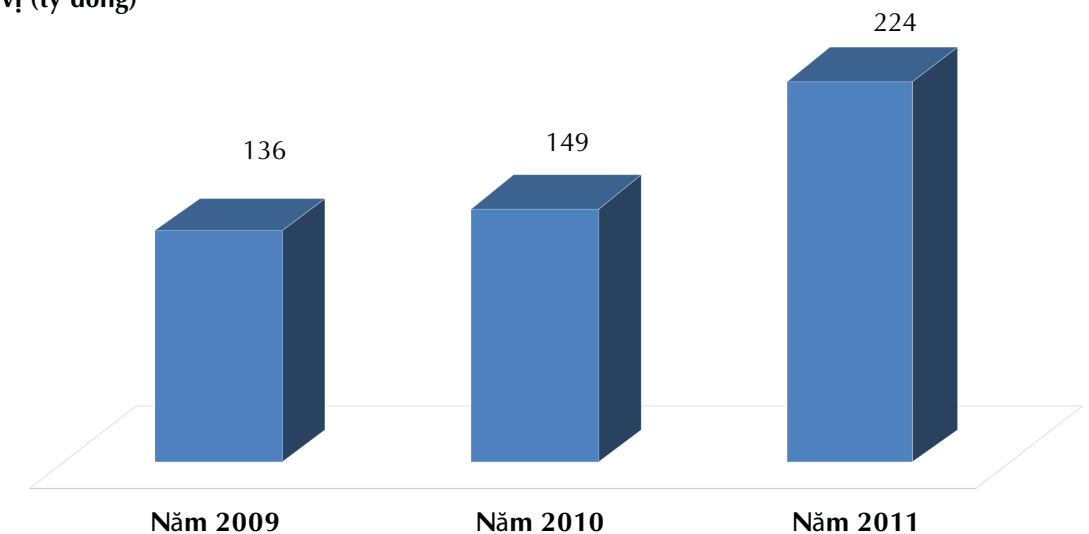
### DOANH THU THUẦN

Đơn vị (tỷ đồng)



### LỢI NHUẬN GỘP

Đơn vị (tỷ đồng)





**ĐÓNG GÓP CHIA SẺ CÙNG XÃ HỘI**

Tài trợ đầm bê tông cho chiến dịch mùa hè xanh của sinh viên trường Đại Học Bách Khoa



Tài trợ thùng rác bê tông cho hoạt động vệ sinh môi trường ven biển xã An Bằng, Hội An



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

#### NỘI DUNG

- 46-49 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 50 BÁO CÁO KIỂM TOÁN
- 51-54 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
- 55 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
- 56-57 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
- 58-91 BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
- 92-95 PHỤ LỤC
- 96 ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2012 - 2015
- 97-98 KẾ HOẠCH ĐỘNG NĂM 2012

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

### 1. Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Beton 6 (tiền thân là Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới) là Doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty bê tông 620 theo Quyết định số 41/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700364079 (số cũ 4603000013) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 1 ngày 28 tháng 8 năm 2001, lần thứ 4 ngày 08 tháng 11 năm 2006 về việc bổ sung vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 2 ngày 12 tháng 4 năm 2005 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 3 ngày 18 tháng 5 năm 2005 về việc thành lập chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 5 ngày 12 tháng 10 năm 2009 về việc thay đổi vốn điều lệ và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 6 ngày 25 tháng 6 năm 2010 về việc thay đổi địa điểm văn phòng đại diện và giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới – Long An.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 7 ngày 08 tháng 9 năm 2010 về thay đổi tên doanh nghiệp.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 8 ngày 13 tháng 4 năm 2011 về thay đổi vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 329.935.500.000 VND

Trong đó

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6	19.569.030.000	5,93
Các cổ đông khác	310.366.470.000	94,07
Cộng	329.935.500.000	100,00

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### 3. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Km 1877 quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương  
Điện thoại : (0650)3571617 - 3750650  
Fax : (0650)3751628  
E-mail : info@beton6.com  
Mã số thuế : 3700364079

### 4. Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (08) 39119696  
Fax : (08) 39119292

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc...); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng, công trình dân dụng, công nghiệp; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp thi công nền móng công trình; Thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng; Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu, phụ tùng ngành xây dựng; Tư vấn kinh doanh địa ốc; Lập dự án đầu tư, kinh doanh nhà; Xây dựng các công trình ngầm thủy lợi.

### 5. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 52).

Trong năm, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 4 năm 2011 như sau:

	Tỷ lệ	VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	36,41% lợi nhuận sau thuế	33.623.226.005
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	3% lợi nhuận sau thuế	2.770.451.700
Trích quỹ khen thưởng	3,5% lợi nhuận sau thuế	3.232.193.650
Trích quỹ phúc lợi	3,5% lợi nhuận sau thuế	3.232.193.650
Chi trả cổ tức	10% vốn điều lệ	32.993.550.000



**6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**7. Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hùng	Chủ tịch	08 tháng 4 năm 2006	-
Ông Trịnh Thanh Huy	Ủy viên	30 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Trung Hậu	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2009	-
Ông Hà Đức Bình	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2009	-
Ông Nguyễn Nam Thắng	Ủy viên	07 tháng 4 năm 2010	-

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Minh Triết	Trưởng ban	16 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Đua	Thành viên	16 tháng 4 năm 2010	-
Ông Trần Thanh Dũng	Thành viên	16 tháng 4 năm 2010	-

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trung Hậu	Tổng Giám đốc	30 tháng 9 năm 2009	-
Ông Trần Khắc Lợi	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 02 năm 2001	-
Ông Phạm Đình Nhật Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 02 năm 2001	-
Ông Hà Thanh Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	26 tháng 7 năm 2004	-
Ông Trương Chí Nhân	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 8 năm 2010	-

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

47c  
NG T  
KIỂM H  
TOÁN  
TƯ VẤN  
HỒ C

**7. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**8. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Beton 6 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,  
  
**NGUYỄN TRUNG HẬU**  
 Ủy viên  
 Ngày 05 tháng 4 năm 2012



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần Beton 6 gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 15 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 52 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

### 1. Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### 2. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Beton 6 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.


### 3. Vấn đề lưu ý

Không phủ nhận ý kiến đã nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo hướng dẫn của Thông tư 201/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV.20). Theo đó chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản công nợ ngắn hạn đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi đánh giá lại. Nếu chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái thì lợi nhuận sau thuế năm 2011 sẽ là 43.857.273.362 VND và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên Bảng cân đối kế toán sẽ là 61.662.101.891 VND.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bảng tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

  
Nguyễn Chí Đăng - Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

  
Hoàng Thu Huyền - Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1257/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2012

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.175.509.235.669</b>	<b>708.703.721.293</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>52.008.013.002</b>	<b>109.978.082.584</b>
Tiền	111		49.707.775.786	35.294.491.758
Các khoản tương đương tiền	112		2.300.237.216	74.683.590.826
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>193.489.433.962</b>	<b>26.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	193.489.433.962	26.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	-	-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>558.284.159.627</b>	<b>445.297.687.237</b>
Phải thu của khách hàng	131	V.3	540.774.135.874	419.048.782.312
Trả trước cho người bán	132	V.4	29.431.610.241	14.674.146.479
Phải thu nội bộ	133	-	-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-	-
Các khoản phải thu khác	138	V.5	22.192.581.558	12.654.924.338
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(19.349.738.750)	(15.837.629.654)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>354.565.753.853</b>	<b>124.124.503.816</b>
Hàng tồn kho	141	V.7	357.706.791.701	127.786.404.065
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3.141.037.848)	(3.661.900.249)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.161.875.225</b>	<b>3.303.447.656</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.270.897.865	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	2.890.977.360	3.303.447.656

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>472.512.608.862</b>	<b>391.062.487.080</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>222.698.791.625</b>	<b>67.218.089.751</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	65.055.184.149	57.822.453.408
Nguyên giá	222		185.738.152.290	166,641,408,625
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.682.968.141)	(108.818.955.217)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	129.045.150.000	-
Nguyên giá	228		129.045.150.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	28.598.457.476	9.395.636.343
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.13</b>	<b>3.331.178.400</b>	<b>6.517.787.425</b>
Nguyên giá	241		3.331.178.400	6.517.787.425
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>218.213.033.507</b>	<b>297.742.182.216</b>
Đầu tư vào công ty con	251	V.14	144.988.177.686	137.288.177.686
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	63.939.168.268	63.939.168.268
Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	55.156.510.000	131.866.757.544
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.17	(45.870.822.447)	(35.351.921.282)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.269.605.330</b>	<b>19.584.427.688</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	11.950.767.537	5.516.298.703
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	3.447.097.933	2.256.561.685
Tài sản dài hạn khác	268	V.20	12.871.739.860	11.811.567.300
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.648.021.844.531</b>	<b>1.099.766.208.373</b>

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.199.571.211.265</b>	<b>652.971.091.634</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.129.408.270.105</b>	<b>611.181.561.808</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	560.039.192.032	259.445.028.265
Phải trả người bán	312	V.22	210.672.726.765	156.716.891.441
Người mua trả tiền trước	313	V.23	267.436.604.368	113.983.725.341
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	10.630.166.967	22.022.455.487
Phải trả người lao động	315	V.25	16.409.058.143	15.718.081.741
Chi phí phải trả	316	V.26	10.643.330.520	21.732.519.017
Phải trả nội bộ	317	-	-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	9.664.210.064	3.952.496.764
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.28	22.149.387.415	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	21.763.593.831	17.610.363.752
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327	-	-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>70.162.941.160</b>	<b>41.789.529.826</b>
Phải trả dài hạn người bán	331	V.30	43.481.894.535	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	333	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	334	V.31	12.183.400.000	5.117.900.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.32	14.497.646.625	8.703.491.133
Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-	27.968.138.693
Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-	-
<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>448.450.633.266</b>	<b>446.795.116.739</b>
Vốn chủ sở hữu	410		448.450.633.266	446.795.116.739
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.33	329.935.500.000	109.978.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	V.33	-	122.689.948.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	414	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.33	(3.028.053.115)	841.347.238
Quỹ đầu tư phát triển	417	V.33	56.826.399.210	120.470.225.205
Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.33	64.716.787.171	92815.096.296
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-	-
<b>NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	432	-	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.648.021.844.531</b>	<b>1.099.766.208.373</b>

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài			-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		V.34	7.324.102.290	7.324.102.290
Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)			13.000,70	15.067,04
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

  
**Hồ Thị Ngọc Tuyết**  
 Người lập biểu

  
**Võ Thanh Trí**  
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2012  
  
  
**Nguyễn Trung Hậu**  
 Tổng Giám đốc





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.208.837.095.017	960.921.116.647
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.208.837.095.017	960.921.116.647
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	984.505.417.639	811.580.966.223
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		224.331.677.378	149.340.150.424
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.119.100.516	15.993.088.077
Chi phí tài chính	22	VI.4	116.589.752.039	25.822.545.323
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		83.020.486.790	15.335.276.942
Chi phí bán hàng	23		4.361.785.228	15.335.276.942
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	63.203.763.433	50.748.365.167
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.295.477.194	73.427.051.069
Thu nhập khác	31	VI.7	8.720.713.555	48.373.737.718
Chi phí khác	32	VI.8	2.652.621.713	18.832.047.493
Lợi nhuận khác	40		6.068.091.842	29.541.690.225
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.363.569.036	102.968.741.294
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	16.800.799.404	23.379.552.124
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	(1.190.536.248)	933.594.694
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.753.305.880	78.655.594.476
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

3204  
 CÔNG  
 CH NH  
 KIỂM T  
 T. TP

  
**Hồ Thị Ngọc Tuyết**  
 Người lập biểu

  
**Võ Thanh Trí**  
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2012  
  
  
**Nguyễn Trung Hậu**  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 2011 (theo phương pháp gián tiếp)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>63.363.569.036</b>	<b>116.661.536.823</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
<b>Khấu hao tài sản cố định</b>	<b>02</b>	<b>V.10</b>	<b>16.959.569.917</b>	<b>14.126.752.678</b>
Các khoản dự phòng	03	V.6,8,17	13.510.147.860	4.318.539.027
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	2.772.419.040	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.137.585.051)	(23.202.410.875)
Chi phí lãi vay	06	VI.4	83.020.486.790	15.335.276.942
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>159.488.607.592</b>	<b>127.239.694.595</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(116.329.469.758)	(191.452.143.078)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(229.920.387.636)	(46.135.828.896)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		155.601.036.809	160.555.500.808
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.434.468.834)	-
Tiền lãi vay đã trả	13		(83.020.486.790)	(15.335.276.942)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.24	(23.424.356.557)	(28.547.930.981)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	VII.2	1.451.495.031	73.222.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	VII.3	(14.725.549.059)	(15.626.191.037)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(152.313.579.202)</b>	<b>(9.228.953.531)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(89.735.495.291)	(15.273.593.079)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		7.106.068.138	22.401.265.455
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.363.049.018)	(102.710.247.544)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.000.000.000	10.000.000.000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(75.093.729.400)	(32.658.524.217)
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	15.865.719.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.535.656.520	3.448.527.422
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(170.550.549.051)</b>	<b>(98.926.852.963)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 2011 (theo phương pháp gián tiếp)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		897.774.007.144	327.898.658.456
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21,31	(599.929.996.624)	(121.757.444.441)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27,33	(32.978.711.500)	(19.791.900.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>264.865.299.020</b>	<b>186.349.314.015</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(57.998.829.233)</b>	<b>78.193.507.521</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>109.978.082.584</b>	<b>31.769.663.160</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.759.651	14.911.903
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>52.008.013.002</b>	<b>109.978.082.584</b>

  
 Hồ Thị Ngọc Tuyết  
 Người lập biểu

  
 Võ Thanh Trí  
 Kế toán trưởng

  
 Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2012  
 CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG AN-T. BÌNH DƯƠNG  
 Nguyễn Trung Hậu  
 Tổng Giám đốc

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, kinh doanh cấu kiện bê tông đúc sẵn.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Sản xuất và lắp cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc...); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng; Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu, phụ tùng ngành xây dựng.

**4. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 1.017 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 846 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với hoạt động sản xuất, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hoạt động xây dựng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính hữu hình đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-7

**6. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**7. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn (thời gian sử dụng đất lâu dài) nên không tính khấu hao.

**8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất ở Khu Công nghiệp Long Hậu. Công ty bắt đầu phân bổ tiền thuê đất từ khi công trình hoàn thành cho thời gian thuê còn lại.

**9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

**10. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

**Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa bao gồm: Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa nổi trộn bê tông, chi phí trang trí nội thất. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 05 năm.

**Chi phí tư vấn lập dự án**

Chi phí tư vấn lập dự án Đường trên cao số 1. Chi phí này sẽ được phân bổ khi Công ty tham gia đấu thầu công trình.

**Phí gia hạn bản quyền phần mềm**

Phí gia hạn bản quyền phần mềm bảo mật được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 03 năm.

**12. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

**13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

**14. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1/2 tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

**15. Các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập bằng 5% doanh thu bán sản phẩm và 5% tổng giá trị công trình đối với các công trình xây lắp.

**16. Nguồn vốn kinh doanh**

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**17. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

**18. Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

- Theo điều lệ Công ty, quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty với mức trích lập hàng năm không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

**19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2010 : 18.932 VND/USD
	31/12/2011 : 20.828 VND/USD

**21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.



**22. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành căn cứ trên hồ sơ khối lượng được tư vấn giám sát xác nhận.

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**23. Tài sản tài chính****Phân loại tài sản tài chính**

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

**Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

**Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

**Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

**Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## 26. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.356.187.000	788.132.000
Tiền gửi ngân hàng (i)	47.351.588.786	34.506.359.758
Các khoản tương đương tiền	2.300.237.216	74.683.590.826
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
<b>Cộng</b>	<b>52.008.013.002</b>	<b>109.978.082.584</b>

(i) Tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 9.733.353.023 VND và 5.923.909.460 VND được đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.21).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>		<b>67.393.729.400</b>		
Tổng Công ty cổ phần Miền Trung (i)	6.357.899	67.393.729.400		
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>		<b>126.095.704.562</b>		<b>26.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống				26.000.000.000
Cho Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu vay với lãi suất 21,5%/năm		34.010.000.000		
Cho Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico vay với lãi suất 15%/năm		3.022.408.000		
Cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt vay với lãi suất 5%/năm(ii)		89.063.296.562		
<b>Cộng</b>		<b>193.489.433.962</b>		<b>26.000.000.000</b>

(i) Công ty đã mua 6.357.899 cổ phiếu tương đương 15% vốn điều lệ của Tổng Công ty cổ phần Miền Trung với mục đích đầu tư trong thời hạn dưới 1 năm.

(ii) Khoản cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt vay với lãi suất 5%/năm để mua cổ phần của Công ty cổ phần 3D. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt cầm cố tất cả cổ phiếu của Công ty cổ phần 3D cho Công ty cổ phần Beton 6 với số lượng là 6.454.700 cổ phiếu tương đương 57,60% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty cổ phần Beton 6 được phép sử dụng toàn bộ công suất sản xuất tại nhà máy của Công ty cổ phần 3D để đảm bảo nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty. Đến ngày 30 tháng 3 năm 2012, Công ty đã thu hồi hết nợ và lãi cho vay của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt.

## 3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động xây lắp	291.235.585.683	140.752.782.976
Sản phẩm bê tông	178.902.095.905	203.239.566.612
Hoạt động thương mại	70.636.454.286	75.056.432.724
<b>Cộng</b>	<b>540.774.135.874</b>	<b>419.048.782.312</b>

## 4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà thầu thi công	11.530.029.896	19.693.931.081
Nhà cung cấp vật tư, phụ tùng	550.659.789	397.282.130
Các nhà cung cấp khác	2.586.491.260	9.340.397.030
<b>Cộng</b>	<b>14.667.180.945</b>	<b>29.431.610.241</b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh (thanh lý khoản đầu tư Công ty cổ phần cảng Bình Minh)	3.274.620.871	3.274.620.871
Công ty cổ phần cảng Bình Minh (thanh lý khoản đầu tư)	1.711.920.316	1.711.920.316
Cổ tức phải thu Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	8.029.451.333	3.957.043.333
Lãi dự thu tiền cho vay	6.163.069.117	1.390.277.778
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre (vay hộ)	2.109.460.846	2.109.460.846
Các khoản khác	904.059.075	211.601.194
<b>Cộng</b>	<b>22.192.581.558</b>	<b>12.654.924.338</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán</b>	<b>18.089.633.950</b>	<b>15.837.629.654</b>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.485.028.646	2.273.350.819
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.377.632.246	5.180.819.849
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	14.226.973.058	8.383.458.986
<b>Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi</b>	<b>1.260.104.800</b>	
<b>Cộng</b>	<b>19.349.738.750</b>	<b>15.837.629.654</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>15.837.629.654</b>	<b>17.914.740.681</b>
Trích lập dự phòng bổ sung	3.512.109.096	
Hoàn nhập dự phòng		(830.706.740)
Xử lý công nợ		(1.246.404.287)
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.349.738.750</b>	<b>15.837.629.654</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	102.111.935.101	27.796.379.060
Công cụ, dụng cụ	2.648.025.291	537.958.369
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	141.348.763.012	28.690.805.586
Thành phẩm	110.673.846.419	70.739.239.050
Hàng hóa	924.221.878	22.022.000
<b>Cộng</b>	<b>357.706.791.701</b>	<b>127.786.404.065</b>

**8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.008.075.542	1.080.368.404
Thành phẩm	2.132.962.306	2.581.531.845
<b>Cộng</b>	<b>3.141.037.848</b>	<b>3.661.900.249</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>3.661.900.249</b>	<b>3.808.809.964</b>
Hoàn nhập dự phòng	(520.862.401)	(146.909.715)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.141.037.848</b>	<b>3.661.900.249</b>

**9. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	52.199.998	
Tạm ứng	1.818.304.698	2.838.083.144
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.020.472.664	465.364.512
<b>Cộng</b>	<b>2.890.977.360</b>	<b>3.303.447.656</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	17.315.523.900	69.782.562.224	76.171.126.935	3.372.195.566	166.641.408.625
Mua trong năm	737.803.877	12.999.684.898	6.913.718.182	230.243.836	20.881.450.793
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.609.398.031	-	-	-	3.609.398.031
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.959.198.800)	(2.376.906.359)	-	(5.336.105.159)
Giảm khác	-	(58.000.000)	-	-	(58.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>21.662.725.808</b>	<b>79.765.048.322</b>	<b>80.707.938.758</b>	<b>3.602.439.402</b>	<b>185.738.152.290</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.350.631.882	30.510.495.199	20.561.063.998	1.535.574.269	54.957.765.348
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	6.399.207.425	50.468.476.042	50.201.927.538	1.749.344.212	108.818.955.217
Khấu hao trong năm	2.031.480.077	6.027.266.233	8.378.897.888	521.925.719	16.959.569.917
Khấu hao tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi	99.346.020	-	-	-	99.346.020
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.959.198.800)	(2.229.904.211)	-	(5.189.103.011)
Giảm khác	-	(5.800.002)	-	-	(5.800.002)
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.530.033.522</b>	<b>53.530.743.473</b>	<b>56.350.921.215</b>	<b>2.271.269.931</b>	<b>120.682.968.141</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	10.916.316.475	19.314.086.182	25.969.199.397	1.622.851.354	57.822.453.408
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.132.692.286</b>	<b>26.234.304.849</b>	<b>24.357.017.543</b>	<b>1.331.169.471</b>	<b>65.055.184.149</b>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tài sản cố định hữu hình là 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai HD270 và 3 xe cần cẩu bánh xích có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 12.055.409.089 VND và 10.713.673.159 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh.

### 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	-
Mua trong năm	129.045.150.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>129.045.150.000</b>
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>-</b>
Số đầu năm	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>129.045.150.000</b>
Trong đó:	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tài sản cố định trong năm	Số cuối năm
Công trình mở rộng bãi đã	8.586.545.434	-		8.586.545.434
Công trình phòng thí nghiệm	809.090.909	2.800.307.122	-	-
Công trình Nhà máy Beton 6 Long Hậu (i)	-	20.011.912.042	(3.609.398.031)	20.011.912.042
<b>Cộng</b>	<b>9.395.636.343</b>	<b>22.812.219.164</b>	<b>(3.609.398.031)</b>	<b>28.598.457.476</b>

(i) Công ty đang tiến hành xây dựng công trình Nhà máy Beton 6 Long Hậu tại Khu Công nghiệp Long Hậu – Long An với tổng mức đầu tư là 342.164.000.000 VND và công suất thiết kế nhà máy dự kiến là 84.000 m<sup>3</sup> bê tông/năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	6.517.787.425
Thanh lý, nhượng bán	(3.186.609.025)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.331.178.400</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	6.517.787.425
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.331.178.400</b>

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng lâu dài liên quan đến Lô Bp-46 tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

### 14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu (i)	69.000	690.000.000	69.000	690.000.000
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 (ii)	3.295.000	59.370.538.009	3.295.000	59.370.538.009
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico (iii)	3.022.408	65.915.239.677	3.022.408	65.915.239.677
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi (iv)	1.600.000	13.700.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất (v)	531.240	5.312.400.000	531.240	5.312.400.000
<b>Cộng</b>		<b>144.988.177.686</b>		<b>137.288.177.686</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701469571 ngày 10 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu 690.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700669521 ngày 22 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty nắm giữ 3.295.000 cổ phiếu, tương đương 99,85% vốn điều lệ của Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700259067 ngày 16 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty nắm giữ 57,57% vốn điều lệ của Công ty cổ phần khoáng sản Tân Uyên Fico.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Trong năm, Công ty đã mua thêm 1.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi với giá mua là 7.700 VND/cổ phiếu để nâng mức đầu tư trực tiếp vào Công ty này lên 13.700.000.000 VND tương đương 40% trên vốn điều lệ. Ngoài ra, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi với số tiền 18.000.000.000 VND, tương đương 45% vốn điều lệ.

(iv) Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất với số tiền 5.312.400.000 VND tương đương với 18,91% vốn điều lệ. Ngoài ra, Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất với số tiền 18.125.000.000 VND, tương đương 64,53% vốn điều lệ.

### 15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty cp bê tông 620 Bình Minh (i)	1.250.000	12.500.000.000	1.250.000	12.500.000.000
Cty cp bê tông 620 Long An (ii)	1.600.000	16.000.000.000	1.600.000	16.000.000.000
Cty cp bê tông 620 Bến Tre (iii)	81.520	815.200.000	81.520	815.200.000
Cty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm (iv)		4.950.000.000		4.950.000.000
Cty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (v)		29.373.968.268		29.373.968.268
Cty TNHH thi công cơ giới Châu Thới (vi)		300.000.000		300.000.000
<b>Cộng</b>		<b>63.939.168.268</b>		<b>63.939.168.268</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500419552 ngày 27 tháng 5 năm 2004, thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh 12.500.000.000 VND, tương đương 20,83% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000140 ngày 09 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông 620 Long An 16.000.000.000 VND, tương đương 38,10% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5503000012 ngày 26 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre 815.200.000 VND, tương đương 45,00% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 502021000028 ngày 23 tháng 8 năm 2007 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Long An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm 4.950.000.000 VND, tương đương 24,75% vốn điều lệ.

(v) Theo sự ủy quyền của Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6, Công ty đã tham gia góp vốn vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu với số tiền 29.373.968.268 VND. Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu vẫn chưa hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo qui định để xác nhận tư cách thành viên của Công ty cổ phần Beton 6.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102041657 ngày 02 tháng 8 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới 300.000.000 VND, tương đương 30,00% vốn điều lệ.

### 16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>38.496.510.000</b>		<b>38.496.510.000</b>
Công ty cổ phần Cảng Vĩnh Long	300.000	3.060.000.000	300.000	3.060.000.000
Công ty cổ phần Đồng Tâm	325.000	30.500.000.000	325.000	30.500.000.000
CTY CP trang trí đá Vĩnh Cửu	60.000	2.040.000.000	60.000	2.040.000.000
CTY CP xuất nhập khẩu & xây dựng công trình (Tranimexco)	150.000	2.050.000.000	150.000	2.050.000.000
Ngân hàng thương mại CP Sài Gòn Công Thương	89.925	846.510.000	89.925	846.510.000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>16.660.000.000</b>		<b>93.370.247.544</b>
CTY CP bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty cổ phần BOT cầu Phú Mỹ	1.516.000	15.160.000.000	1.516.000	15.160.000.000
Cho vay dài hạn				76.710.247.544
<b>Cộng</b>		<b>55.156.510.000</b>		<b>131.866.757.544</b>

### 17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Dự phòng khoản lỗ của các CTY con</b>	<b>2.138.004.399</b>	<b>1.084.687.381</b>
CTY CP Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi	922.260.618	514.367.713
CTY CP bê tông ly tâm Dung Quất	1.215.743.781	570.319.668
<b>Dự phòng khoản lỗ của các CTY liên kết</b>	<b>11.855.735.625</b>	<b>7.079.723.978</b>
CTY CP xây dựng 620 Bến Tre	815.200.000	815.200.000
CTY TNHH bê tông 620 Đồng Tâm	1.447.136.213	1.181.777.178
CTY TNHH thi công cơ giới Châu Thới	300.000.000	300.000.000
CTY TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	9.293.399.412	4.782.746.800
<b>Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác</b>	<b>31.877.082.423</b>	<b>27.187.509.923</b>
CTY CP trang trí đá Vĩnh Cửu	1.350.000.000	1.320.000.000
CTY CP bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	112.509.923	112.509.923
CTY CP Đồng Tâm	28.582.500.000	24.650.000.000
CTY CP xuất nhập khẩu & xây dựng công trình (Tranimexco)	1.660.000.000	1.105.000.000
Ngân hàng thương mại CP Sài Gòn Công Thương	172.072.500	-
<b>Cộng</b>	<b>45.870.822.447</b>	<b>35.351.921.282</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	35.351.921.282	30.955.765.800
Trích lập dự phòng bổ sung	10.518.901.165	5.296.155.482
Thanh lý khoản đầu tư	-	(900.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>45.870.822.447</b>	<b>35.351.921.282</b>

### 18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công trình giao thông nông thôn	2.649.494.309	-	(529.898.862)	2.119.595.447
Công trình gia công cốt thép nhà xưởng	1.547.251.667	-	(309.450.333)	1.237.801.334
Công trình nhà nghỉ cán bộ công nhân viên	246.178.249	-	(49.235.650)	196.942.599
Công trình nhà xưởng cơ khí	1.073.374.478	-	(214.674.896)	858.699.582
Sửa chữa tài sản cố định	-	1.231.454.546	(140.124.242)	1.091.330.304
Chi phí phát hành trái phiếu	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Chi phí cung cấp và lắp đặt hệ thống máy lạnh BD	-	332.991.500	(27.749.292)	305.242.208
Chi phí trang trí nội thất	-	4.984.683.272	(397.079.270)	4.587.604.002
Phí gia hạn bản quyền phần mềm	-	62.189.490	(8.637.429)	53.552.061
Chi phí tư vấn lập dự án	-	-	-	-
Đường trên cao số 1	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.516.298.703</b>	<b>13.111.318.808</b>	<b>(6.676.849.974)</b>	<b>11.950.767.537</b>

### 19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.256.561.685	3.190.156.379
Số phát sinh	1.190.536.248	-
Số hoàn nhập	-	(933.594.694)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.447.097.933</b>	<b>2.256.561.685</b>

### 20. Tài sản dài hạn khác

Khoản đặt cọc thuê văn phòng, container và thuê nhà máy của Công ty cổ phần 3D.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>557.398.692.032</b>	<b>258.805.428.265</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (i)	88.196.924.013	136.698.527.614
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Nam Sài Gòn (ii)	100.730.509.964	80.462.462.602
Ngân hàng TNHH Indovina (iii)	128.226.866.751	41.644.438.049
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Gia Định (iv)	94.994.936.656	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (v)	145.249.454.648	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>2.640.500.000</b>	<b>639.600.000</b>
Ngân hàng TNHH Indovina	1.279.200.000	639.600.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	963.000.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	398.300.000	-
<b>Cộng</b>	<b>560.039.192.032</b>	<b>259.445.028.265</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

(iv) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định.

(v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	258.805.428.265	643.568.007.144		(349.290.396.624)	4.315.653.247	557.398.692.032
Vay dài hạn đến hạn trả	639.600.000	-	2.640.500.000	(639.600.000)	-	2.640.500.000
<b>Cộng</b>	<b>259.445.028.265</b>	<b>643.568.007.144</b>	<b>2.640.500.000</b>	<b>(349.929.996.624)</b>	<b>4.315.653.247</b>	<b>560.039.192.032</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 22. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp cáp	19.906.403.352	18.799.520.939
Nhà cung cấp cát	5.502.902.437	3.557.048.242
Nhà cung cấp đá	8.395.395.360	6.875.698.984
Nhà cung cấp sắt	31.737.717.961	42.282.906.815
Nhà cung cấp phụ gia	5.523.259.566	6.045.090.570
Nhà cung cấp xi măng	27.391.488.070	20.835.012.101
Công ty cổ phần Long Hậu (i)	47.838.722.026	-
Nhà cung cấp khác	64.376.837.993	58.321.613.790
<b>Cộng</b>	<b>210.672.726.765</b>	<b>156.716.891.441</b>

(i) Khoản phải trả do mua lại quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Long Hậu ở Khu Công nghiệp Long Hậu (xem thuyết minh số V.30).

### 23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	249.938.609.939	54.775.268.852
Các khoản trả trước mua hàng hóa, thành phẩm	17.497.994.429	59.208.456.489
<b>Cộng</b>	<b>267.436.604.368</b>	<b>113.983.725.341</b>

### 24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.164.407.364	2.326.654.883	(5.491.062.247)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.699.495.490	9.100.219.718	(10.799.715.208)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	103.082.738	1.711.459.759	(1.814.542.497)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.818.214.065	16.800.799.404	(23.424.356.557)	10.194.656.912
Thuế thu nhập cá nhân	237.255.830	2.593.225.794	(2.394.971.569)	435.510.055
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>22.022.455.487</b>	<b>32.535.359.558</b>	<b>(43.927.648.078)</b>	<b>10.630.166.967</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thi công công trình cho các dự án ODA	0%
Sản phẩm bê tông, công trình xây dựng và dịch vụ vận chuyển	10%
Hàng hóa khác	5%-10%

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011 đối với thu nhập từ hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt đường bộ, cảng sông và cảng biển do có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân trong năm 2011 trên 300 người theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định 101/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về việc ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63.363.569.036	124.139.639.925
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		- Các khoản điều chỉnh tăng
9.662.471.885	4.809.414.826	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.085.977.014)	(25.945.914.485)
Tổng thu nhập chịu thuế	68.940.063.907	103.003.140.266
Thu nhập được miễn thuế	(8.847.641.144)	(9.484.931.770)
Thu nhập tính thuế	60.092.422.763	93.518.208.496
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>15.023.105.691</b>	<b>23.379.552.124</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	3.749.347.886	7.478.103.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Thông tư 154/2011/TT-BTC	(1.971.654.173)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>16.800.799.404</b>	<b>30.857.655.226</b>

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

### 25. Phải trả người lao động

Quỹ lương còn lại phải trả cho cán bộ công nhân viên Công ty.

### 26. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công trình	4.649.189.573	335.390.603
Chi phí công trình TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây	-	20.571.022.711
Chi phí lãi chậm thanh toán của Công ty cổ phần Long Hậu	5.476.211.447	-
Chi phí vận chuyển	67.287.000	826.105.703
Chi phí khác	450.642.500	-
<b>Cộng</b>	<b>10.643.330.520</b>	<b>21.732.519.017</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 27. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	774.330.656	489.298.086
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.277.158.347	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	73.222.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	268.995.700	254.157.200
Tạm nhập kho nguyên vật liệu	1.220.417.009	-
Các khoản phải trả khác	5.123.308.352	3.135.819.478
<b>Cộng</b>	<b>9.664.210.064</b>	<b>3.952.496.764</b>

### 28. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	-
Kết chuyển dự phòng nợ phải trả dài hạn sang ngắn hạn	27.968.138.693
Tăng do trích lập	505.637.720
Số hoàn nhập	(6.324.388.998)
<b>Số cuối năm</b>	<b>22.149.387.415</b>

### 29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Giảm khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	12.908.899.401	3.232.193.650	-	(2.115.453.000)	14.025.640.051
Quỹ phúc lợi	1.901.758.248	3.232.193.650	(195.251.893)	(1.801.471.606)	3.137.228.399
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.651.055.082	2.770.451.700	(168.900.000)	(701.186.402)	3.551.420.380
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	1.148.651.021	-	(99.346.020)	-	1.049.305.001
<b>Cộng</b>	<b>17.610.363.752</b>	<b>9.234.839.000</b>	<b>(463.497.913)</b>	<b>(4.618.111.008)</b>	<b>21.763.593.831</b>

### 30. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả do mua lại quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Long Hậu ở Khu Công nghiệp Long Hậu.

### 31. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH Indovina (i)	3.838.700.000	5.117.900.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (ii)	6.737.000.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (iii)	1.607.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>12.183.400.000</b>	<b>5.117.900.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng vay số 149/1210/MTLc/1027616 ngày 07 tháng 12 năm 2010 để mua mới 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai HD270 với lãi suất 18%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính 05 chiếc xe trộn bê tông Hyundai HD270.

(ii) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng vay số 2000-LAV-201103336 ngày 24 tháng 6 năm 2011 để mua cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi với lãi suất tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

(iii) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để mua máy móc thiết bị với lãi suất 21,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 03 chiếc xe cần cẩu bánh xích đã qua sử dụng.

### Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.640.500.000	639.600.000
Trên 1 năm đến 5 năm	12.183.400.000	5.117.900.000
<b>Tổng nợ</b>	<b>14.823.900.000</b>	<b>5.757.500.000</b>

### Chi tiết số phát sinh các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>5.117.900.000</b>	<b>9.706.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(2.640.500.000)</b>	<b>12.183.400.000</b>
Ngân hàng TNHH Indovina	5.117.900.000	-	-	(1.279.200.000)	3.838.700.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu VN	-	7.700.000.000	-	(963.000.000)	6.737.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương VN	-	-	-	-	-
Chi nhánh 1 TP.HCM	-	2.006.000.000	-	(398.300.000)	1.607.700.000
Trái phiếu công ty (i)	-	250.000.000.000	(250.000.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.117.900.000</b>	<b>259.706.000.000</b>	<b>(250.000.000.000)</b>	<b>(2.640.500.000)</b>	<b>12.183.400.000</b>

(i) Vào ngày 09 tháng 6 năm 2011, Công ty phát hành trái phiếu với giá trị 250 tỷ VND đáo hạn vào ngày 09 tháng 6 năm 2015 cho Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam nhằm bổ sung vốn hoạt động và tài trợ cho các dự án: Nhà máy Beton 6 Tân Uyên và Nhà máy Beton 6 Long Hậu. Tuy nhiên, vào 01 tháng 9 năm 2011 Công ty đã thanh toán số tiền nợ gốc là 250 tỷ VND, tiền lãi trái phiếu khoảng 11.506.849.315 VND cho trái chủ và ghi nhận chi phí phát hành trái phiếu với số tiền 5 tỷ VND vào chi phí trong năm.

**32. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.703.491.133	7.334.366.008
Số trích lập bổ sung	6.516.934.424	1.720.357.291
Số đã chi	(722.778.932)	(351.232.166)
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.497.646.625</b>	<b>8.703.491.133</b>

**33. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Trong năm, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tổng số tiền là 219.957.000.000 VND tương ứng với 21.995.700 cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn điều lệ từ 109.978.500.000 VND lên 329.935.500.000 VND.

**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức 2009 (18% mệnh giá)	-	19.791.900.000
Trả cổ tức 2010 (10% mệnh giá)	32.978.711.500	-
<b>Cộng</b>	<b>32.978.711.500</b>	<b>19.791.900.000</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>32.993.550</b>	<b>10.997.850</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>32.993.550</b>	<b>10.997.850</b>
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	10.997.850
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>32.993.550</b>	<b>10.997.850</b>
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	10.997.850
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**34. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.324.102.290	5.574.755.385
Nợ khó đòi đã xử lý	-	1.749.346.905
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.324.102.290</b>	<b>7.324.102.290</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây dựng	620.402.621.360	351.940.779.042
Doanh thu sản phẩm bê tông	507.819.799.771	542.111.933.817
Doanh thu khác	80.614.673.886	66.868.403.788
<b>Cộng</b>	<b>1.208.837.095.017</b>	<b>960.921.116.647</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động xây dựng	492.028.253.988	283.420.599.670
Giá vốn của sản phẩm bê tông	422.562.864.240	462.083.299.783
Giá vốn khác	70.435.161.812	66.223.976.485
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(520.862.401)	(146.909.715)
<b>Cộng</b>	<b>984.505.417.639</b>	<b>811.580.966.223</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	414.453.408	542.636.562
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.370.145.598	2.488.439.927
Lãi tiền cho vay	6.163.069.117	-
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	860.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.847.641.144	8.288.620.733
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-	4.672.530.855
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	323.791.249	-
<b>Cộng</b>	<b>17.119.100.516</b>	<b>15.993.088.077</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	71.513.637.475	15.335.276.942
Lãi trái phiếu	11.506.849.315	-
Lãi thuê đất trả chậm	5.476.211.447	-
Lãi mua hàng trả chậm	146.337.124	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.528.910.065	4.391.112.899
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.772.419.040	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	10.518.901.165	5.296.155.482
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-	800.000.000
Phí phát hành trái phiếu	5.000.000.000	-
Phí lưu ký chứng khoán	535.000	-
Chi phí chuyển nhượng cổ phần	125.951.408	-
<b>Cộng</b>	<b>116.589.752.039</b>	<b>25.822.545.323</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	2.598.130.374	2.240.623.637
Chi phí khác	1.763.654.854	(598.142.224)
<b>Cộng</b>	<b>4.361.785.228</b>	<b>1.642.481.413</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.045.234.110	1.819.964.665
Chi phí nhân công	24.766.100.182	23.073.127.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	491.566.464	494.394.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	474.028.189	385.340.385
Chi phí khác	33.426.834.488	24.975.537.404
<b>Cộng</b>	<b>63.203.763.433</b>	<b>50.748.365.167</b>

### 7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.414.817.638	17.627.379.091
Thanh lý công cụ, dụng cụ	-	43.094.000
Hoàn nhập bảo hành công trình	6.301.437.725	10.604.553.450
Thu nhập từ tiền lương không chi hết	-	20.055.609.760
Các khoản thu nhập khác	4.458.192	43.101.417
<b>Cộng</b>	<b>8.720.713.555</b>	<b>48.373.737.718</b>

### 8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	147.002.148	10.662.697.070
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	145.727.273	47.363.636
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.355.267.301	7.478.103.102
Phạt hành chính	216.228.112	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	136.000.000	-
Xử lý công nợ khó thu hồi	-	502.942.618
Hủy cọc đã bán các năm trước bị trả về	507.936.000	-
Các khoản chi phí khác	144.460.879	140.941.067
<b>Cộng</b>	<b>2.652.621.713</b>	<b>18.832.047.493</b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	743.829.426.092	527.480.125.353
Chi phí nhân công	116.448.663.845	81.558.772.279
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.959.569.917	14.126.752.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.417.169.640	2.135.395.318
Chi phí khác	239.345.246.624	178.086.609.989
<b>Cộng</b>	<b>1.122.000.076.118</b>	<b>803.387.655.617</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### • Các giao dịch không bằng tiền

Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua quyền sử dụng đất bằng cách nhận khoản nợ	84.240.665.455	-
Phát hành trái phiếu không nhận bằng tiền	5.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>89.740.665.455</b>	<b>-</b>

### • Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh

Tiền nhận ký quỹ dài hạn.

### • Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.618.111.008	3.413.319.225
Tiền chi ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.974.043.491	414.304.512
Tiền chi ký quỹ, ký cược dài hạn	1.060.172.560	11.798.567.300
Hoàn trả tiền ký quỹ	73.222.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.725.549.059</b>	<b>15.626.191.037</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.4 đến VIII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

#### Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	4.081.489.704	2.676.127.910
Thù lao được hưởng	288.000.000	513.000.000
Tiền thưởng	542.685.000	684.195.432
<b>Cộng</b>	<b>4.912.174.704</b>	<b>3.873.323.342</b>

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
CTY CP bê tông ly tâm 620	Công ty con
CTY CP tư vấn xây dựng Bình Châu	Công ty con
CTY CP khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico	Công ty con
CTY CP bê tông ly tâm Dung Quất	Công ty con
CTY CP đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi	Công ty con
CTY CP bê tông 620 - Bình Minh	Công ty liên kết
CTY CP xây dựng 620 Bến Tre	Công ty liên kết
CTY TNHH thi công cơ giới Châu Thới	Công ty liên kết
CTY CP bê tông 620 Long An	Công ty liên kết
CTY TNHH bê tông 620 Đồng Tâm	Công ty liên kết
CTY TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Công ty liên kết
Tổng CTY xây dựng công trình giao thông 6	Cổ đông chiếm 5,93% vốn điều lệ của CTY và Chủ tịch Hội đồng quản trị của CTY cũng là Thành viên Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6.
CTY CP bất động sản Bình Thiên An	CTY có cùng chủ đầu tư
CTY TNHH quản lý đầu tư BTA	CTY có cùng thành viên Hội đồng quản trị
CTY TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam	CTY có cùng thành viên Hội đồng quản trị
CTY CP thương mại đầu tư HB	CTY có cùng thành viên Hội đồng quản trị
CTY TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt	Cổ đông nắm giữ 10,22% vốn điều lệ của CTY
CTY CP xây dựng Công Nghiệp - Descon	CTY có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Vinafco	CTY có cùng thành viên Hội đồng quản trị



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty cổ phần bê tông 620 Bình Minh</b>		
Mua sản phẩm bê tông	4.307.200.000	5.092.200.000
Mua bê tông tươi và vận chuyển máy móc thiết bị	-	279.604.000
Bán bê tông tươi, vận chuyển và thi công công trình	1.137.459.797	11.192.982.000
Cổ tức được chia	250.000.000	2.750.000.000
Cho thuê máy móc thiết bị, bán máy móc thiết bị	1.350.000.000	220.000.000
<b>Công ty cổ phần bê tông 620 Long An</b>		
Thuê xe, bán sản phẩm	-	1.627.988.000
Cổ tức được chia	1.920.000.000	1.120.000.000
Thi công công trình	165.459.797	-
Mua sản phẩm và thuê nhân công	-	4.121.890.980
<b>Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620</b>		
Thuê gia công, mua cọc ống	3.855.235.753	-
Bán sản phẩm bê tông, vật tư	-	10.404.152.262
Mua vật tư, sản phẩm bê tông và thuê máy móc thiết bị	7.200.000.000	25.050.453.069
<b>Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất</b>		
Góp vốn	-	4.712.400.000
Bán tài sản cố định	227.272.273	-
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6		
Thi công công trình	-	2.748.432.681
<b>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu</b>		
Bán vật tư	77.805.698	117.343.441
Cổ tức	172.500.000	172.500.000
Thuê giám sát thí nghiệm	1.795.543.379	3.573.517.097
<b>Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An</b>		
Thi công công trình	217.905.723.765	2.955.734.010
Ứng trước thi công công trình	71.153.613.791	16.400.000.000
<b>Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB</b>		
Mua nguyên vật liệu	429.733.826.758	40.736.974.828
<b>Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico</b>		
Cổ tức được chia	6.044.816.000	-
Cho vay	3.022.408.000	-
Lãi cho vay	264.460.000	-
<b>Công ty TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam</b>		
Thi công công trình	15.820.349.277	12.368.422.527
<b>Công ty cổ phần xây dựng Công Nghiệp - Descon</b>		
Thuê container	697.420.613	-
Cho thuê kho hàng	555.164.500	824.083.500
<b>Công ty cổ phần Vinafco</b>		
Thi công công trình	26.552.472.016	-
<b>Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt</b>		
Cho vay	12.353.049.018	76.710.247.544
Lãi cho vay	4.148.867.449	-



	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An</b>		
Thi công công trình	45.198.078.804	-
Cộng nợ phải thu	178.643.910.738	118.970.156.770
<b>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu</b>		
Thuê giám sát, thí nghiệm	763.740.985	429.048.100
<b>Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An</b>		
Ứng trước thi công công trình	48.345.258.971	16.327.924.251
Mua nguyên vật liệu	7.621.146.280	-
<b>Công ty TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam</b>		
Thi công công trình	-	7.631.577.473
<b>Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB</b>		
Mua nguyên vật liệu	2.268.484.882	24.237.827.480
<b>Công ty cổ phần Vinafco</b>		
Thi công công trình	2.362.679.616	28.915.151.632
Cộng nợ phải trả	61.361.310.734	77.541.528.936

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

### 3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động xây dựng.
- Hoạt động bán sản phẩm bê tông.
- Hoạt động khác bao gồm: bán vật tư, dịch vụ lao phóng và vận chuyển

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 2 đính kèm

#### Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

### 4. Thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng tại tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.890.753.712	-
Trên 1 năm đến 5 năm	13.131.293.778	-
<b>Cộng</b>	<b>17.022.047.490</b>	-

### 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.008.013.002	109.978.082.584	52.008.013.002	109.978.082.584
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	26.000.000.000	-	26.000.000.000
Phải thu khách hàng	523.720.901.303	403.211.152.658	523.720.901.303	403.211.152.658
Các khoản cho vay	126.095.704.562	76.710.247.544	126.095.704.562	76.710.247.544
Các khoản phải thu khác	33.071.274.161	22.610.794.110	33.071.274.161	22.610.794.110
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	90.673.156.977	27.969.000.077	90.673.156.977	27.969.000.077
<b>Cộng</b>	<b>825.569.050.005</b>	<b>666.479.276.973</b>	<b>825.569.050.005</b>	<b>666.479.276.973</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	572.222.592.032	264.562.928.265	572.222.592.032	264.562.928.265
Phải trả người bán	254.154.621.300	156.716.891.441	254.154.621.300	156.716.891.44
Các khoản phải trả khác	65.228.835.412	74.489.609.784	65.228.835.412	74.489.609.784
<b>Cộng</b>	<b>891.606.048.744</b>	<b>495.769.429.490</b>	<b>891.606.048.744</b>	<b>495.769.429.490</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản mục này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

**6. Tài sản đảm bảo**

**Tài sản đảm bảo cho đơn vị khác**

Công ty đã đảm bảo số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ và tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định, Ngân hàng TNHH Indovina và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.1, V.10, V.21 và V.31). Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng (xem thuyết minh V.1)	15.657.262.483	2.670.406.306
Máy móc, thiết bị (xem thuyết minh V.10)	10.713.673.159	7.641.772.725
<b>Cộng</b>	<b>26.370.935.642</b>	<b>10.312.179.031</b>

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản cố định đảm bảo khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

**Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**7. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

**Phải thu khách hàng**

Đối với hoạt động bán thành phẩm và thương mại: Công ty bắt buộc ứng trước 30% giá trị khi ký kết hợp đồng kinh tế và thanh toán 70% giá trị trước khi giao hàng cho các khách hàng mới; các khách hàng truyền thống sẽ thanh toán sau khi giao hàng.

Đối với hoạt động xây dựng: Chủ đầu tư thường ứng trước tiền khi thi công từng giai đoạn và Công ty ghi nhận phải thu xây dựng đối với phần chênh lệch giữa giá trị khối lượng quyết toán từng giai đoạn và khoản ứng trước tiền thi công.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi và nhờ bộ phận pháp lý của Công ty can thiệp khi cần thiết. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu khách hàng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty gửi tiền tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Các khoản cho vay**

Công ty cho các bên liên quan vay nên rủi ro đối với khoản cho vay là thấp.



**8. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi vay phải trả) dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Vay và nợ	624.792.158.251	16.710.296.288	641.502.454.539
Phải trả người bán	214.761.700.553	45.543.158.799	260.304.859.352
Các khoản phải trả khác	50.731.188.787	14.497.646.625	65.228.835.412
<b>Cộng</b>	<b>890.285.047.591</b>	<b>76.751.101.712</b>	<b>967.036.149.303</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ	282.486.784.147	6.966.673.346	289.453.457.493
Phải trả người bán	156.716.891.441	-	156.716.891.441
Các khoản phải trả khác	37.817.979.958	36.671.629.826	74.489.609.784
<b>Cộng</b>	<b>477.021.655.546</b>	<b>43.638.303.172</b>	<b>520.659.958.718</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**9. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá cả nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng 1 năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG



**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính.

Công ty có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác bằng ngoại tệ USD.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, với các giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lỗ chênh lệch tỷ giá sẽ tăng/giảm 3.440.647.297 VND (năm trước tăng/giảm 1.372.900.753 VND) chủ yếu do ảnh hưởng của lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của vay, phải trả người bán và các khoản chi phí phải trả. Lợi nhuận sau thuế không bị ảnh hưởng đáng kể do Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính trong việc xử lý chênh lệch tỷ giá nên các khoản lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá của tiền và các khoản công nợ ngắn hạn được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán. Tuy nhiên, vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.440.647.297 VND (năm trước giảm/tăng 1.372.900.753 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay tăng so với năm trước do số dư ngoại tệ vay ngắn hạn và phải trả người bán năm nay tăng mạnh.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất theo thị trường.

Ban Tổng Giám đốc quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, với giả định các biến số khác không đổi, nếu lãi suất tăng/giảm 3% đối với các khoản vay bằng VND và 1% đối với các khoản vay bằng USD thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 11.057.261.814 VND (năm trước giảm/tăng 5.170.990.955 VND) do sự tăng/giảm của chi phí lãi vay. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay tăng so với năm trước do sự tăng lên của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất thả nổi.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định về đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

**Rủi ro về giá nguyên vật liệu**

Công ty có rủi ro về giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá nguyên vật liệu.

**Hồ Thị Ngọc Tuyết**  
Người lập biểu

**Võ Thanh Trí**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Trung Hậu**  
Tổng Giám đốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

144B-C  
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ VẬT LIỆU  
3 CHI



Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

**Phụ lục 2: THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Năm trước	Xây dựng	Sản phẩm bê tông	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	351.940.779.042	542.111.933.817	66.868.403.788	-	960.921.116.647
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>351.940.779.042</b>	<b>542.111.933.817</b>	<b>66.868.403.788</b>	<b>-</b>	<b>960.921.116.647</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	68.520.179.372	78.460.706.316	716.783.323	-	147.697.669.011
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(50.748.365.167)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					96.949.303.844
Doanh thu hoạt động tài chính					15.993.088.077
Chi phí tài chính					(25.822.545.323)
Thu nhập khác					48.373.737.718
Chi phí khác					(11.353.944.391)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(30.857.655.226)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(933.594.694)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>92.348.390.005</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>10.902.995.932</b>	<b>3.827.318.879</b>	<b>1.780.619.057</b>	<b>-</b>	<b>16.510.933.868</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.993.001.904</b>	<b>9.119.468.582</b>	<b>2.014.282.192</b>	<b>-</b>	<b>14.126.752.678</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>1.660.540.763</b>	<b>148.122.240</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.808.663.003</b>

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2012

  
**Võ Thanh Trí**  
 Kế toán trưởng

  
**Hồ Thị Ngọc Tuyết**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Trung Hậu**  
 Tổng Giám đốc

  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6**  
 M.S.D.N. 370036402  
 TX. DI AN - T. BÌNH DƯƠNG

**Phụ lục 2: THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây dựng	Bê tông	Khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	442.602.928.344	446.176.890.133	83.922.921.867	972.702.740.344
Tài sản phân bổ cho bộ phận	23.146.696.311	39.530.369.944	2.378.117.894	65.055.184.149
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				610.263.920.038
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.648.021.844.531</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	283.881.137.459	137.026.754.439	13.732.151.734	434.640.043.632
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				764.931.167.633
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.199.571.211.265</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	186.798.552.896	283.832.567.956	92.123.466.609	562.754.587.461
Tài sản phân bổ cho bộ phận	20.331.235.464	34.722.072.147	2.769.145.797	57.822.453.408
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				479.189.167.504
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.099.766.208.373</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	107.004.414.786	79.132.279.163	7.087.161.976	193.223.855.925
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				459.747.235.709
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>652.971.091.634</b>

  
**Hồ Thị Ngọc Tuyết**  
 Người lập biểu

  
**Võ Thanh Trí**  
 Kế toán trưởng

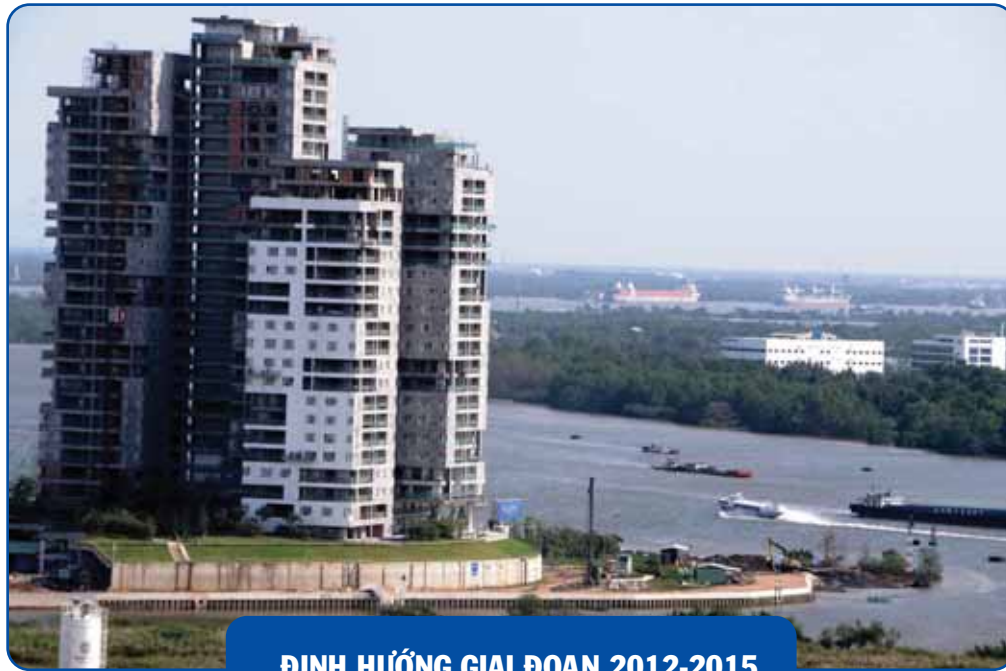
Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2012

  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6**  
 M.S.D.N. 370036402  
 TX. DI AN - T. BÌNH DƯƠNG

  
**Nguyễn Trung Hậu**  
 Tổng Giám đốc

  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6**  
 M.S.D.N. 370036402  
 TX. DI AN - T. BÌNH DƯƠNG





**ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2012-2015**

### 1. Định hướng chung:

- Tăng cường đầu tư chiều sâu hệ thống tổ chức và quản trị, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực thi công công trình. Giữ vững vị trí hàng đầu về sản xuất bê tông công nghiệp. Phấn đấu trở thành tổng thầu/nhà thầu chính chuyên nghiệp về cung cấp cấu kiện bê tông đúc sẵn và xây dựng hạ tầng giao thông hàng đầu Việt Nam

### 2. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Triển vọng của thị trường: Nhu cầu phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, phát triển khu công nghiệp và nhà máy sản xuất vẫn còn rất lớn. Đặc biệt là các khu kinh tế, khu công nghiệp ở Tp. Hồ Chí Minh, Đồng bằng sông Cửu Long và Miền Trung. Một số dự án lớn tại Tp. Hồ Chí Minh và một số tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đang được quy hoạch ngân sách để triển khai trong giai đoạn 2012-2016 như Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ, Bến Lức – Long Thành; tuyến đường trên cao số 1, Tuyến Metro Bến Thành- Suối Tiên, Mở rộng quốc lộ 1 và một số dự án cầu như Cầu Cao Lãnh, Cầu Vàm Cống, Cầu Sài Gòn 2, Cầu Nhơn Trạch, Cầu Rạch Chiếc, .... Beton 6 cũng đã thiết lập kế hoạch tiếp cận cũng như phối hợp với các cơ quan nhà nước, nhà đầu tư và quỹ đầu tư để tham gia xây dựng các dự án này.

- Định hướng tương lai:

- Nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội hợp tác chuyển giao công nghệ sản xuất bê tông và vật liệu xây dựng từ các nước phát triển, phục vụ cho chiến lược phát triển của công ty.
- Nghiên cứu & tìm giải pháp mở rộng và phát triển nhà máy sản xuất gắn liền với nơi thị trường, dự án phát triển mạnh để đảm bảo tính cạnh tranh, mở rộng thị trường cũng như yêu cầu về mặt quản lý chất lượng sản phẩm của chủ dự án.
- Duy trì và phát triển nguồn nhân lực của công ty để đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện các dự án với qui mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao, chất lượng, an toàn và tiến độ.
- Xây dựng tổ chức, chế độ chính sách và hệ thống quản trị phù hợp, hiệu quả với chiến lược công ty.



**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2012**

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012:

1. Giá trị doanh thu: 1.400 tỷ đồng
  - Sản xuất công nghiệp: 600 tỷ đồng
  - Thi công xây lắp và thi công đóng ép cọc: 760 tỷ đồng
  - Dịch vụ kinh doanh khác: 40 tỷ đồng
2. Lợi nhuận trước thuế 7%
3. Chia cổ tức (bằng tiền mặt và/hoặc cổ phiếu): 5% vốn điều lệ (Ủy quyền HĐQT thực hiện)

### BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Với chính sách kinh tế vĩ mô tiếp tục thắt chặt đầu tư công, các dự án phải qua sàng lọc và chỉ triển khai công trình trọng điểm, chính sách hạn chế lạm phát, đầu tư bất động sản dẫn đến hầu hết các dự án tạm dừng triển khai năm 2012. Để duy trì và đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2012, Beton 6 cần nỗ lực, tập trung:

#### 1 - Về tài chính:

Lãi suất ngân hàng sẽ giảm nhưng chậm và kéo dài vì vậy cần tăng cường hơn nữa công tác nghiệm thu nhanh, quyết toán kịp thời, thu hồi công nợ, tổ chức tồn kho hợp lý, tích cực tìm kiếm nguồn vốn và đầu tư dự án xây lắp hiệu quả. Tăng cường công tác quản lý và báo cáo tài chính và quản trị kịp thời, hiệu quả.

#### 2 - Năng suất lao động & quản lý sản xuất/thi công hiệu quả: Các cấp quản lý cần tập trung thực hiện:

- Bố trí nhân công, công việc sản xuất & xây dựng đầu tư một cách hợp lý & hiệu quả nhất.
- Cải thiện xây dựng định mức lao động và vật tư, tiết kiệm hiệu quả trong sản xuất và xây lắp. Phát huy ý kiến cải thiện, động viên khuyến khích và tổ chức các phong trào thi đua hiệu quả nhằm giảm chi phí & nâng cao chất lượng công việc.

### **3 - Kinh doanh và tiếp thị:**

Cải thiện phương thức kinh doanh, tổ chức, đào tạo và nâng cao đội ngũ kinh doanh chuyên nghiệp và hiệu quả; đồng thời nâng cao công tác quảng bá hình ảnh, theo dõi và đánh giá thị trường, đối thủ cạnh tranh.

### **4 - Áp dụng ERP:**

Cải thiện hệ thống quản lý kinh doanh, sản xuất & thi công xây lắp; hệ thống báo cáo kịp thời và chất lượng.

### **5 - Nghiên cứu & phát triển:**

Triển khai nghiên cứu và sản xuất thử sản phẩm bê tông lắp ghép, đường bê tông công nghệ mới nhằm đa dạng hóa chủng loại sản phẩm của công ty cũng như việc mở rộng thị trường, khách hàng & doanh thu của công ty

- Nghiên cứu giải pháp cho công tác hoàn thiện sản phẩm nhằm nâng cao tính mỹ thuật, chất lượng cũng như khả năng cạnh tranh.

- Nghiên cứu biện pháp, tổ chức & kỹ thuật công nhằm đảm bảo chất lượng công trình, tiến độ dự án và an toàn trong thi công

### **6 - Xây dựng hệ thống quản lý an toàn OHSAS:**

- Nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao tính chuyên nghiệp trong sản xuất và thi công của công ty.